

**TRUNG TÂM**  
**GIÁO DỤC KỸ NĂNG**  
**CÔNG DÂN SỐ**  
**KDC HẢI PHÒNG**  
**KDC EDUCATION**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC KDC DUYÊN HẢI



0904 075 869



Nguyen Quang Huy



[www.kdc.edu.vn](http://www.kdc.edu.vn)

# DANH MỤC HỒ SƠ

- **Cấp phép hoạt động của Trung tâm**
- **Năng lực công ty**
- **Tài liệu giảng dạy**
- **Văn bản chỉ đạo của Chính phủ**
- **Văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo**
- **Văn bản triển khai tại Tỉnh thành khác**

Số: 1028/QĐ-SGDĐT

Hải Phòng, ngày 30 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v cho phép hoạt động trong lĩnh vực  
hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa  
đối với Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG**

Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-KDC ngày 25/7/2024 của Công ty Cổ phần giáo dục KDC Duyên Hải về việc thành lập Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng; Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-KDC ngày 25/7/2024 của Công ty Cổ phần giáo dục KDC Duyên Hải về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 03/TTrKDC 26/7/2024 của Công ty Cổ phần giáo dục KDC Duyên Hải về việc đề nghị tiếp tục cho phép hoạt động đối với Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng và Hồ sơ của Trung tâm; Căn cứ kết quả kiểm tra, thẩm định của Đoàn công tác Sở Giáo dục và Đào tạo tại Báo cáo kiểm tra, thẩm định số 152/BC-2024-GDTX&ĐH ngày 30/7/2024; Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục thường xuyên và Đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng (theo đề nghị của Công ty Cổ phần giáo dục KDC Duyên Hải) hoạt động trong lĩnh vực hoạt động giáo dục kỹ năng theo nội dung đăng ký, tại địa điểm đã được Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định.

Địa điểm hoạt động: Số 01 BT07 Khu đô thị Cự Viên, phường Bắc Sơn, quận Liên An, thành phố Hải Phòng.

Nội dung: Giáo dục kỹ năng công dân số.

Chương trình: Theo chương trình đã được thẩm định.

Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng, giảng dạy:

- Học viên: Hoạc sinh Tiểu học và các đối tượng khác có nhu cầu.

Văn bằng, chứng nhận: Không cấp.

Thời hạn cho phép hoạt động: 01 năm (12 tháng), kể từ ngày ký Quyết định.

Hết thời hạn, Trung tâm phải làm hồ sơ gia hạn.

**Điều 2.** Giám đốc Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng chịu trách nhiệm chỉ đạo, quản lý mọi hoạt động của đơn vị theo quy chế và quy định về quản lý giáo dục và đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Sở Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức tuyển sinh, đào tạo của Trung tâm thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nội dung, chương trình đã đăng ký trong hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động của đơn vị.

Các hoạt động khác có liên quan của Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Khi có sự thay đổi về nhân sự và các điều kiện khác so với hồ sơ đề nghị cho phép hoạt động của trung tâm, phải báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Giáo dục thường xuyên và Đại học).

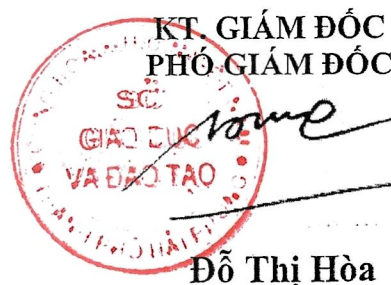
Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng phải thực hiện báo cáo thường xuyên mọi hoạt động của đơn vị về Sở Giáo dục và Đào tạo (qua Phòng Giáo dục thường xuyên và Đại học) theo quy định 4 tháng một lần (vào các tháng 01, tháng 5 và tháng 9 hàng năm).

**Điều 3.** Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Giáo dục thường xuyên và Đại học, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ có liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, Giám đốc Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- GD, các PGD Sở GDĐT;
- UBND quận Kiến An;
- UBND phường Bắc Sơn;
- P.GDĐT quận Kiến An;
- Lưu: VT, GDTX&ĐH.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ  
GIÁO DỤC  
VÀ ĐÀO TẠO  
HẢI PHÒNG



Đỗ Thị Hòa

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

**Mã số địa điểm kinh doanh: 00001**

*Đăng ký lần đầu, ngày 22 tháng 07 năm 2024*

**1. Tên địa điểm kinh doanh:** ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIÁO DỤC KDC DUYÊN HẢI

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

**2. Địa chỉ:**

*Số 01BT07 Khu đô thị Cựu Viên, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Thành phố Hải  
Phòng, Việt Nam*

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**3. Thông tin về người đứng đầu**

Họ và tên: NGUYỄN QUANG HUY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/12/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034087016487

Ngày cấp: 31/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự  
xã hội

Địa chỉ thường trú: *Số 01/BT07 KĐT Cựu Viên, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 01/BT07 KĐT Cựu Viên, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Thành  
phố Hải Phòng, Việt Nam*

**4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:**

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC KDC DUYÊN HẢI

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0202250122

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Số 29/17/82 Vũ Chí Thắng, Phường Nghĩa Xá, Quận Lê  
Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**19. TRƯỞNG PHÒNG**



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
*Nguyễn Thị Tâm*



Tiên phong cung cấp giải pháp  
**Giáo dục Kỹ năng công dân số!**





“**KDC EDUCATION** là **đơn vị tiên phong** cung cấp giải pháp đào tạo Kỹ năng công dân số dành cho học sinh và nhà trường tại Việt Nam, được thành lập bởi đội ngũ các chuyên gia nhiều năm kinh nghiệm về giáo dục STEM và kỹ năng sống. KDC hiện đang giảng dạy hơn 10.000 học sinh tại các trường học trên toàn quốc.”

# Tại sao học sinh Việt Nam cần học Kỹ năng Công dân số?



01

## Tại sao học sinh cần trang bị Kỹ năng công dân số?



Việt Nam hiện có khoảng 24,7 triệu trẻ em, chiếm 24,5% dân số, trong đó **2/3 các em có thể tiếp cận thiết bị kết nối internet.**

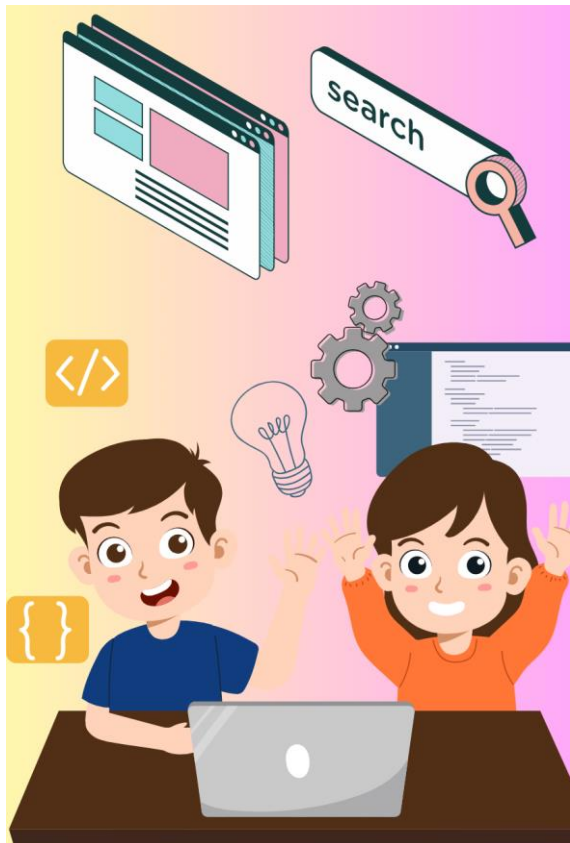
*(Theo Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Trẻ em Việt Nam được **dùng điện thoại sớm 4 năm so với thế giới.**

**Độ tuổi trung bình mà trẻ em Việt Nam sở hữu điện thoại là 9, còn trên thế giới là 13.**

*(Khảo sát của Google năm 2022)*

## Tại sao học sinh cần trang bị Kỹ năng công dân số?



**40%** trẻ cảm thấy không an toàn khi sử dụng internet

**>70%** trẻ em từng có trải nghiệm không mong muốn khi sử dụng Internet.

*(Khảo sát của MSD năm 2020)*

**87%** trẻ em từ 12-17 tuổi sử dụng internet hàng ngày nhưng **chỉ có 36%** trẻ cho biết được tiếp cận về cách đảm bảo an toàn thông tin trên mạng.

*(ECPAT, INTERPOL và UNICEF. (2022). Báo cáo tổng quan nghiên cứu Ngăn chặn hành vi gây tổn hại tại Việt Nam)*

# Cơ sở pháp lý của giáo dục Kỹ năng công dân số?

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 47 /BGDDĐT-GDTH  
V/v triển khai thi điểm giáo dục  
kĩ năng công dân số cấp Tiểu học

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố: Bắc Giang,  
Bắc Ninh, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn,  
Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" về nội dung "...đưa nội dung phổ cập kĩ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp Tiểu học để hình thành sớm các kĩ năng cần thiết cho công dân số" và Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025. Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 169/KH-BGDĐT ngày 16/02/2022 về triển khai thực hiện giáo dục kĩ năng công dân số ở cấp Tiểu học. Trong đó, triển khai thi điểm giai đoạn một tại các tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT tham gia thi điểm thực hiện một số nội dung sau:

1. Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng việc phổ cập kĩ năng số và an toàn, an ninh mạng; hình thành sớm các kĩ năng cần thiết cho công dân số từ cấp Tiểu học. Đây là việc mới, lần đầu thực hiện nên cần chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng. Quá trình thực hiện bám sát kế hoạch, kịch bản của Bộ GDĐT và chủ động, linh hoạt triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các trường được chọn thi điểm; quá trình thi điểm vừa thực hiện tốt tại đơn vị mình, vừa rút ra bài học kinh nghiệm để tham mưu cho các cấp tiếp tục nhân rộng trong thời gian tới.

2. Xây dựng kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện thi điểm giáo dục kĩ năng công dân số (KNCDS) cấp Tiểu học tại địa phương; tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất (CSVC) để bảo đảm thực hiện giáo dục KNCDS trong các cơ sở giáo dục Tiểu học trên địa bàn; tăng cường giáo dục KNCDS trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (GDPT 2018).

3. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 169/KH-BGDĐT ngày 16/02/2022 của Bộ GDĐT về triển khai thực hiện thi điểm giáo dục KNCDS ở cấp Tiểu học trên địa bàn, cụ thể như sau:

## Công văn số 47/ BGD ĐT - GDTH V/v triển khai thi điểm giáo dục kỹ năng công dân số cấp tiểu học

## Kế hoạch số 102/ KH-BGDĐT V/v tập huấn triển khai thi điểm giáo dục kĩ năng công dân số ở cấp Tiểu học

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số 102 /KH-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Tập huấn triển khai thi điểm giáo dục kĩ năng công dân số ở cấp Tiểu học**

Thực hiện Quyết định số 145/QĐ-BGDĐT ngày 10/01/2024 Ban hành các nhóm nhiệm vụ trọng tâm và Danh mục kế hoạch nhiệm vụ năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch Tập huấn triển khai thi điểm giáo dục kĩ năng công dân số (GDKNCDS) cấp Tiểu học với các nội dung cụ thể như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

Tập huấn cho cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục và giáo viên cốt cán (GVCC) tại các cơ sở giáo dục của các tỉnh, thành phố được chọn tham gia thi điểm gồm: Bắc Giang, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Nội, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Bến Tre, Cần Thơ, và Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDKNCDS trong thực hiện Chương trình GDPT 2018 cấp Tiểu học.

#### 2. Yêu cầu

Nội dung tập huấn bám sát Tài liệu triển khai thi điểm GDKNCDS cấp Tiểu học của Bộ GDĐT bảo đảm đáp ứng yêu cầu, phù hợp với tâm sinh lý, sự phát triển của từng đối tượng, lứa tuổi học sinh Tiểu học.

Sau tập huấn CBQL, GVCC, các cơ sở giáo dục tham gia thi điểm có đủ năng lực triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện GDKNCDS cấp Tiểu học phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và điều kiện cụ thể của đơn vị.

### II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

#### 1. Biên soạn kế hoạch bài giảng tập huấn (nội dung tập huấn)

Tổ chức biên soạn kế hoạch bài giảng cho tập huấn, gồm:

- Bài giảng những vấn đề chung về GDKNCDS.
- Bài giảng thực hiện GDKNCDS trong dạy học các môn học thực hiện Chương trình GDPT 2018.
- Bài giảng dạy học tăng cường nội dung GDKNCDS cấp Tiểu học.
- Bài giảng tổ chức hoạt động GDKNCDS, câu lạc bộ GDKNCDS ở cấp Tiểu học.

# Cơ sở pháp lý của giáo dục Kỹ năng công dân số?

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ các trường tiểu học tham gia triển khai thực hiện GD-KNCDS:

a) Tiếp tục tăng cường điều kiện về đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, bảo đảm về cơ cấu, trình độ chuyên môn đặc biệt là đội ngũ giáo viên Tin học và các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm thực hiện dạy học môn Tin học và triển khai GD-KNCDS đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018.

b) Đưa nội dung GD-KNCDS vào kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường (đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,...) và thực tế của địa phương.

c) Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học tích hợp GD-KNCDS, thực hiện ở tất cả các môn học, các khối lớp. Xây dựng kế hoạch thực hiện GD-KNCDS bằng các hình thức *Dạy học tăng cường* hoặc/và *Câu lạc bộ* cho các khối lớp phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

d) Huy động các nguồn lực hợp pháp, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định để thực hiện tổ chức GD-KNCDS.

Chỉ đạo, hướng dẫn các CSGD tổ chức sinh hoạt chuyên môn, phân tích, thảo luận, rút kinh nghiệm thường xuyên và xây dựng báo cáo tổng hợp những thuận lợi, khó khăn, những giải pháp và những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai vào cuối mỗi học kỳ; tổng hợp báo cáo của các cơ sở giáo dục về các nội dung liên quan và báo cáo Sở GDĐT trong quá trình thực hiện.

**CÔNG VĂN SỐ 3899/BGDĐT-  
GDTH NGÀY 30/07/2024**

**Hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục  
Kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học**

# Tại sao nên hợp tác cùng KDC Education?



02

# Tại sao nên hợp tác cùng KDC?

## Đội ngũ chuyên môn kinh nghiệm về STEM và Kỹ năng sống



### ThS. Trần Ánh Ngân Sa

Giám đốc chuyên môn

---

Thạc sĩ ngôn ngữ, Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.  
Nguyên hiệu trưởng các hệ thống trường quốc tế hàng đầu tại TP.HCM.



### ThS. Nguyễn Xuân Hoàng

Giám đốc chuyên môn miền Bắc

---

Thạc sĩ Điện tử Viễn thông - Viện Công nghệ Châu Á  
Giảng viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông



### ThS. Nguyễn Trọng Nhân

Trưởng BP kỹ năng sống

---

Thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM.  
Giảng viên Kỹ năng mềm tại trường Đại học Công nghệ TP.HCM.



### ThS. Chương Đình

Trưởng BP công nghệ

---

Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học Vật lý, Trường ĐH Sư phạm TP.HCM;  
Từng công tác giảng dạy tại Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Thắng.  
Trưởng bộ phận nội dung số, KDI Edu.

# Tại sao nên hợp tác cùng KDC?

Đội ngũ giáo viên có nền tảng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt



# Tại sao nên hợp tác cùng KDC?

## Đội ngũ giáo viên được tập huấn bài bản bởi các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế



Dear Ngân Sa,

Congratulations on becoming a Common Sense Educator! Your digital badge can be found here. Please share it proudly! We've seen educators include it in their email signatures, post it on their websites or blogs, and add it to their social profiles.

As a Common Sense Educator, your digital citizenship work acts as inspiration for educators following in your footsteps. Join the Common Sense Educators Facebook group to engage in rich discussion, get answers to questions from your peers (or answer some questions yourself!), and learn about creative ways other educators are implementing school-wide digital citizenship.

We encourage you to share your accomplishment on Twitter, using this image and hashtag #CSEducators!

We're lucky to support passionate educators like you who are dedicated to helping kids thrive in a world of media and technology, and we are inspired by your work!

Cheers,

The Common Sense Education team



Dear Huyền Trâm,

Congratulations on becoming a Common Sense Educator! Your digital badge can be found here. Please share it proudly! We've seen educators include it in their email signatures, post it on their websites or blogs, and add it to their social profiles.

As a Common Sense Educator, your digital citizenship work acts as inspiration for educators following in your footsteps. Join the Common Sense Educators Facebook group to engage in rich discussion, get answers to questions from your peers (or answer some questions yourself!), and learn about creative ways other educators are implementing school-wide digital citizenship.

We encourage you to share your accomplishment on Twitter, using this image and hashtag #CSEducators!

We're lucky to support passionate educators like you who are dedicated to helping kids thrive in a world of media and technology, and we are inspired by your work!

Cheers,

The Common Sense Education team



# Tại sao nên hợp tác cùng KDC?

Đội ngũ giáo viên được tập huấn bài bản bởi các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế

Meta | NET TOUCH  
CAO HỒN VÀ XÀ HỒN

NETVIET  
KẾT NỐI TÀI TUỆ VIỆT | VIETNET-ICT

## GIẤY CHỨNG NHẬN

Thầy / Cô

Nguyễn Thị Huyền Trâm

Đã hoàn thành khóa học:

GIẢNG DẠY KỸ NĂNG SỐ VÀ AN TOÀN INTERNET  
DÀNH CHO GIÁO VIÊN

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ  
THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG VIETNET  
Giám đốc

NGUYỄN MINH TRĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
VÀ TRUYỀN THÔNG VTC NETVIET  
Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH

Meta | NET TOUCH  
CAO HỒN VÀ XÀ HỒN

NETVIET  
KẾT NỐI TÀI TUỆ VIỆT | VIETNET-ICT

## GIẤY CHỨNG NHẬN

Thầy / Cô

Huyền Thị Mai Thy

Đã hoàn thành khóa học:

GIẢNG DẠY KỸ NĂNG SỐ VÀ AN TOÀN INTERNET  
DÀNH CHO GIÁO VIÊN

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ  
THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG VIETNET  
Giám đốc

NGUYỄN MINH TRĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
VÀ TRUYỀN THÔNG VTC NETVIET  
Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH

Meta | NET TOUCH  
CAO HỒN VÀ XÀ HỒN

NETVIET  
KẾT NỐI TÀI TUỆ VIỆT | VIETNET-ICT

## GIẤY CHỨNG NHẬN

Thầy / Cô

Nguyễn Ngọc Hân

Đã hoàn thành khóa học:

GIẢNG DẠY KỸ NĂNG SỐ VÀ AN TOÀN INTERNET  
DÀNH CHO GIÁO VIÊN

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ  
THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG VIETNET  
Giám đốc

NGUYỄN MINH TRĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
VÀ TRUYỀN THÔNG VTC NETVIET  
Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH

# Tại sao nên hợp tác cùng KDC?

**Đội ngũ giáo viên được tập huấn bài bản bởi các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế**



Tập huấn về Phương pháp giảng dạy Kỹ năng Công dân số bởi **ThS. Carrie Roger-Whitehead, giám đốc Công ty Digital Respons-ability**, đơn cung cấp chương trình digital citizenship cho các trường học ở bang Utah, Mỹ.



Tập huấn về Sở hữu trí tuệ trên môi trường mạng internet bởi **ThS. Võ Hưng Sơn, Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ Cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM.**

# Tại sao nên hợp tác cùng KDC?

Đội ngũ giáo viên được tập huấn bài bản bởi các tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế



Tập huấn về Nghiệp vụ sư phạm và Xây dựng hình ảnh giáo viên chuyên nghiệp, thực hiện bởi TS. Nguyễn Thị Bích Hồng, tiến sĩ giáo dục học, giảng viên trường Đại học Sư phạm TP.HCM.

# Tại sao nên hợp tác cùng KDC?

Đối tác triển khai dự án Tư duy thời đại số - We think digital của Meta (Facebook) và Vietnet-ICT



# Ưu điểm chương trình Kỹ năng Công dân số KDC



03

# Ưu điểm chương trình của KDC

## Thiết kế bám sát định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chương trình Giáo Dục Phổ Thông 2018

Một giải pháp đào tạo Kỹ năng sống "kiểu mới" dành cho trường học. Chương trình trang bị cho học sinh nền tảng kỹ năng cần thiết để sử dụng hiệu quả và an toàn các thiết bị kỹ thuật số cũng như mạng internet trong thời đại công nghệ.

### Knowledge Hiểu biết

Hiểu biết về bản thân  
Hiểu biết về tài chính  
Hướng nghiệp

K

### Digital Skills Kỹ năng số

Kỹ năng sử dụng thiết bị/ công cụ kỹ thuật số  
Kỹ năng sử dụng Internet và mạng xã hội an toàn

D

### Competencies Năng lực

Tư duy sáng tạo  
Tư duy phản biện  
Giao tiếp  
Hợp tác nhóm

C

# Ưu điểm chương trình của KDC

Các chủ đề bài học cập nhật, mới lạ và thú vị phù hợp với cuộc sống trong thời đại công nghệ

**Sự cân bằng đời sống 4.0**

Tạo sự cân bằng giữa việc sử dụng thiết bị điện tử và cuộc sống.

**Quyền riêng tư và bảo mật**

Tìm hiểu về quyền riêng tư và các hình thức bảo mật thông tin trong thế giới số.

**Danh tính trên thế giới mạng**

Bảo mật thông tin cá nhân bằng cách quản lý lịch sử truy cập.

**Sự liên kết và mối quan hệ**

Xây dựng các mối quan hệ và làm việc nhóm hiệu quả trên mạng với thiết bị số.

**Hiểm nguy trên thế giới mạng**

Cách bảo vệ bản thân trước các hiểm nguy trên thế giới mạng.

**Tin tức và truyền thông**

Xác định các nguồn thông tin và chịu trách nhiệm về thông tin chia sẻ.

# Ưu điểm chương trình của KDC

Học sinh thực hành trực tiếp trên máy tính bảng do KDC cung cấp trong các bài học kỹ năng số



# Ưu điểm chương trình của KDC

Học sinh tham gia các cuộc thi, sinh hoạt chuyên đề hàng năm do KDC và các đối tác tổ chức





### **Trụ sở chính - TP. Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: 30 đường số 46, Phường Thảo Điền, TP. Thủ Đức, TP. HCM
- Điện thoại: 028 7300 8898
- Website: <https://kdc.edu.vn>

### **Chi nhánh Hà Nội**

- Địa chỉ: Tầng 3, 16A Nguyễn Công Trứ, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 024 7300 8898

### **Chi nhánh Hải Phòng**

- Địa chỉ: Khu đô thị Cự Viên, Q. Kiến An, Hải Phòng
- Điện thoại: 0904 075 869

### **Chi nhánh Nghệ An**

- Địa chỉ: 53 Duy Tân, P. Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: 0238 730 8898

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC KDC  
TRẦN ÁNH NGÂN SA (chủ biên) - NGUYỄN TRỌNG NHÂN



# TÀI LIỆU

## ỨNG DỤNG KỸ NĂNG SỐ

TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP  
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO



lớp

1

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ  
(tháng 1/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC KDC  
TRẦN ÁNH NGÂN SA (chủ biên) - NGUYỄN TRỌNG NHÂN



# TÀI LIỆU

## ỨNG DỤNG KỸ NĂNG SỐ

TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP  
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

lớp

2



TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ  
(tháng 1/2024)

# TÀI LIỆU

## ỨNG DỤNG KỸ NĂNG SỐ

TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP  
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

lớp

3



TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ  
(tháng 1/2024)

# TÀI LIỆU

## ỨNG DỤNG KỸ NĂNG SỐ

TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP  
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

lớp

4



TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ  
(tháng 1/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC KDC  
TRẦN ÁNH NGÂN SA (chủ biên) - NGUYỄN TRỌNG NHÂN



# TÀI LIỆU

## ỨNG DỤNG KỸ NĂNG SỐ

TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP, KHỞI NGHIỆP  
VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

lớp

5



TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ  
(tháng 1/2024)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 830 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S .....
	Ngày: 02/6/2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025” (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

**I. MỤC TIÊU****1. Mục tiêu chung**

a) Bảo vệ thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em khi trẻ em tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động trên môi trường mạng và ngăn chặn, xử lý các hành vi lợi dụng môi trường mạng thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm đối với trẻ em dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.

b) Trang bị kiến thức, kỹ năng số cho trẻ em theo từng độ tuổi để biết tự bảo vệ mình và biết cách tương tác an toàn trên môi trường mạng, trong đó gồm: Sử dụng mạng lành mạnh, an toàn; tự bảo vệ mình khi tham gia tương tác trên môi trường mạng và cách thức nhận diện, thông báo, tố giác hành vi, vụ việc xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

c) Truyền thông đến toàn xã hội, tập trung vào các đối tượng là cha, mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ về kiến thức, kỹ năng hỗ trợ, định hướng trẻ em tương tác an toàn, lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

d) Thực hiện các giải pháp chủ động phòng ngừa, phát hiện các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; bảo đảm các điều kiện cần thiết để trẻ em được tham gia an toàn, lành mạnh trên môi trường mạng và có các giải pháp hỗ trợ phù hợp để trẻ phục hồi khi chịu tác động tiêu cực từ môi trường mạng.

đ) Hình thành và phổ cập Hệ sinh thái các sản phẩm, ứng dụng của Việt Nam trên môi trường mạng đáp ứng nhu cầu học tập, giải trí của trẻ em trên môi trường mạng.

## 2. Mục tiêu cụ thể

a) 100% các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em định kỳ tổ chức chương trình tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

b) 100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội.

c) Phấn đấu 100% tổ chức, cá nhân khi bị tố giác, phát hiện vi phạm quy định pháp luật đối với trẻ em trên môi trường mạng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Các trang web tên miền quốc gia “.vn”, các trang web có địa chỉ IP tại Việt Nam: tự thực hiện phân loại nội dung phù hợp với các độ tuổi của trẻ em; nếu có cung cấp dịch vụ, ứng dụng cho trẻ em, tự triển khai các giải pháp để bảo vệ trẻ em và hỗ trợ cha, mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em quản lý việc sử dụng ứng dụng, dịch vụ của trẻ em.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý

- Rà soát, hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách về bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh trên môi trường mạng, trong đó lấy trẻ em làm trung tâm trong xây dựng chính sách và lấy ý kiến của trẻ em đối với các

ơ chế, chính sách tác động đến trẻ em trên môi trường mạng; cụ thể hóa trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương khi để xảy ra các vụ việc xâm hại trẻ em trên môi trường mạng gây hậu quả nghiêm trọng thuộc phạm vi quản lý.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế tài nghiêm minh để xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của cha, mẹ, các thành viên trong gia đình, người chăm sóc trẻ em trong việc quản lý, giám sát trẻ em tiếp cận và tương tác trên môi trường mạng.

- Đề xuất nghiêm cấm mọi hình thức tạo lập, lưu trữ, chia sẻ với mục đích vi phạm pháp luật các hình ảnh, video clip trong đó trẻ em là đối tượng bị xâm hại tình dục.

- Đề xuất cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, ứng dụng và nội dung hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

## 2. Giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng

- Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức ở quy mô quốc gia; đổi mới cách thức, nội dung công tác truyền thông theo hướng gần gũi, sinh động để thu hút trẻ, thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, qua mạng Internet và mạng xã hội. Tăng cường hiển thị trên các kênh truyền hình trung ương và địa phương số điện thoại đường dây nóng Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em số 111 tiếp nhận thông tin báo cáo xâm hại trẻ em và địa chỉ liên hệ của các trung tâm, tổ chức tư vấn, cứu trợ khẩn cấp.

- Lồng ghép vào chương trình giáo dục các nội dung trang bị kiến thức, nâng cao nhận thức về môi trường mạng cho trẻ em và kỹ năng cơ bản khi tham gia sử dụng Internet, cách thức tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị xâm hại trên môi trường mạng; trang bị “bộ kỹ năng số” cơ bản cho trẻ em theo độ tuổi; đẩy mạnh các hình thức tư vấn hỗ trợ trẻ em thông qua tư vấn học đường. Phát triển các chương trình, hình thức giáo dục dành cho đối tượng trẻ em không đến trường học thông qua hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng, các tổ chức xã hội, tổ dân phố, trung tâm tư vấn.

- Khuyến khích, thúc đẩy gia đình, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, giáo viên, phóng viên, biên tập viên, nhà báo chủ động, thường xuyên cập nhật kiến thức, phương pháp hướng dẫn trẻ các kỹ năng tự bảo vệ mình, tìm hiểu thông tin và khả năng tự phát hiện, tố cáo các hành vi có nguy cơ xâm hại khi tham gia môi trường mạng.

- Phát triển các sản phẩm, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ học tập trên môi trường mạng để trẻ em truy cập, khai thác nguồn tài nguyên trực tuyến một cách chủ động, sáng tạo, hiệu quả và an toàn. Biểu dương, khen thưởng kịp thời và nhân rộng những mô hình hay, cách làm sáng tạo.

- Tăng cường công tác truyền thông, đặc biệt đối với các hình thức truyền thông trên Internet về quyền trẻ em và trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trên môi trường mạng.

### 3. Triển khai các biện pháp, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng công nghệ

- Thiết lập các kênh thông tin thân thiện để tiếp nhận phản ánh về các hình ảnh, video, nội dung xâm hại trẻ em trên môi trường mạng theo hướng tích hợp thành một đầu mối duy nhất; có cơ chế kết nối để các nhà cung cấp dịch vụ nội dung trên Internet có thể tích hợp chế độ báo cáo tự động về các nội dung nguy hại, xâm hại trẻ em trên môi trường mạng về cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Đưa vào sử dụng trong ngành giáo dục và đào tạo các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, các kho học liệu, xuất bản phẩm điện tử nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập trên môi trường mạng, đồng thời quản lý tốt việc học sinh truy cập mạng, đổi mới cách thức tương tác giữa nhà trường với gia đình và học sinh; góp phần thực hiện chuyển đổi số một cách an toàn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu CSAM (tiếng Anh là Child Sexual Abuse Material - gọi tắt là CSAM) của Việt Nam gồm thông tin, dữ liệu đặc tả về hình ảnh/video xâm hại trẻ em và có cơ chế để các cơ quan chức năng và các tổ chức, doanh nghiệp liên quan tham gia cập nhật, phân tích thông tin nhằm ngăn ngừa việc đăng tải, chia sẻ các hình ảnh/video xâm hại trẻ em trên môi trường mạng dựa trên ứng dụng các công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, học máy, phân tích dữ liệu lớn...; hướng tới kết nối với các cơ sở dữ liệu tương tự trong khu vực và của các cơ quan, tổ chức quốc tế về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

- Triển khai giải pháp kỹ thuật nhằm kết nối, chia sẻ dữ liệu, thu thập, phân tích thông tin, giám sát việc tuân thủ chặn lọc, gỡ bỏ các nội dung xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Yêu cầu các trang web có tên miền quốc gia “.vn”, các trang web có địa chỉ IP tại Việt Nam tự thực hiện chặn lọc nội dung xâm hại trẻ em và hiển thị thông báo nội dung phù hợp với lứa tuổi theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp công nghệ số, nội dung số, truyền thông số Việt Nam phát triển, làm chủ các công nghệ bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trên môi trường mạng và các ứng dụng, nội dung giúp trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

#### 4. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực thực thi pháp luật

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, kịp thời ứng phó với các vấn đề liên quan đến trẻ em trên môi trường mạng.

- Nghiên cứu thành lập các trung tâm tư vấn, hỗ trợ giúp trẻ phục hồi về tâm lý, thể chất và tinh thần khi bị xâm hại trên môi trường mạng cũng như hỗ trợ pháp lý cho trẻ. Đối với trẻ bị xâm hại, lạm dụng tình dục qua môi trường mạng cần có chuyên gia tâm lý tư vấn trực tiếp để giảm thiểu tác động từ đầu, đồng hành cùng trẻ trong quá trình điều tra, xử lý tội phạm và hỗ trợ định hướng cho trẻ phục hồi.

- Hình thành mạng lưới bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trên môi trường mạng có sự tham gia của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, chuyên gia, cá nhân trong và ngoài nước và một số trẻ em. Đây là mạng lưới chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực, nhận thức, tư vấn, hỗ trợ triển khai các giải pháp/biện pháp hành chính, kỹ thuật cho mỗi thành viên và tới cộng đồng xã hội đối với vấn đề bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trên môi trường mạng.

- Triển khai các chương trình tập huấn, nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, công nghệ, kỹ năng tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho lực lượng thực thi pháp luật, cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, điều tra tội phạm và truy tố, xét xử để kịp thời nắm thông tin, tình hình thế giới, đặc biệt là xu hướng công nghệ đối với vấn đề ngăn ngừa, xử lý các vụ lạm dụng, xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, quy trình xử lý trong việc tiếp nhận thông tin, điều tra, xử lý các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng giữa các cơ quan quản lý nhà nước liên quan theo hướng mỗi khâu có một đầu mối cụ thể chịu trách nhiệm; thiết lập cơ chế liên ngành theo dõi tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trên môi trường mạng.

#### 5. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, hợp tác giữa Chính phủ với Chính phủ, tham gia các tổ chức, cam kết và mạng lưới quốc tế về bảo vệ trẻ em, chủ động tham gia các sáng kiến giúp trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng, phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước; thực hiện đầy đủ, thường xuyên công tác truyền thông đối ngoại về nội dung bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Tích cực triển khai các hoạt động hợp tác, trao đổi khung pháp lý, học tập kinh nghiệm quốc tế về nâng cao năng lực cho các cơ quan Việt Nam trong bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

- Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, chuyển giao công nghệ, áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến đã được chứng minh hiệu quả trên thế giới trong vấn đề bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng

- Kêu gọi các nguồn vốn hỗ trợ quốc tế hợp pháp theo quy định pháp luật vì mục đích bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao trong Chương trình, các bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của bộ, ngành trung ương và địa phương trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Khuyến khích việc huy động từ các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình, có các trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hành lang pháp lý, chính sách về bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an và các cơ quan liên quan xây dựng, vận hành và tổ chức thu thập dữ liệu cơ sở dữ liệu CSAM của Việt Nam; thành lập, tổ chức hoạt động Mạng lưới ứng cứu và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và ban hành cơ chế, quy định điều phối các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện ngăn chặn dữ liệu, thông tin xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

c) Xây dựng và triển khai các hệ thống kỹ thuật hỗ trợ việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, thu thập, phân tích thông tin nhằm ngăn chặn nội dung xâm hại trẻ em và giám sát tuân thủ việc các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ trên Internet thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ nhanh chóng, kịp thời các nội dung xâm hại trẻ em trên môi trường mạng theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

d) Thiết lập công thông tin điện tử, ứng dụng trực tuyến, các kênh thông tin (fanpage) trên các mạng xã hội trực tuyến có nhiều người sử dụng ở Việt Nam để hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em.

đ) Xây dựng bộ quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng và phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan truyền thông nội dung đến toàn xã hội, trong đó ưu tiên, tập trung phổ cập đến các đối tượng là cha, mẹ, giáo viên và người chăm sóc trẻ.

e) Chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông về Chương trình; chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác truyền thông tới toàn xã hội; xây dựng tài liệu tuyên truyền, tổ chức cung cấp thông tin cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, nhà báo hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và bảo vệ trẻ em về hiện trạng vấn đề bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và các xu hướng công nghệ để bảo vệ, hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

g) Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sáng kiến, cung cấp các giải pháp kỹ thuật an toàn thông tin bảo vệ trẻ em tương tác an toàn trên môi trường mạng; đề xuất Thủ tướng Chính phủ cơ chế thí điểm đặt hàng doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ do các doanh nghiệp Việt Nam phát triển để hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

h) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao tham gia theo thẩm quyền hoặc đề xuất Việt Nam tham gia các tổ chức, cam kết quốc tế về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; chủ trì cung cấp nội dung về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng trong các xếp hạng, đánh giá của quốc tế.

i) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, tổ chức liên quan đề xuất các dự án từ nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp vì mục đích bảo vệ, hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

k) Định kỳ hàng năm, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức một số đoàn công tác kiểm tra về nội dung bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; xây dựng, phát hành Báo cáo đánh giá tình hình và đề xuất các giải pháp về bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng của Việt Nam hàng năm.

l) Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình; trường hợp cần thiết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định chỉnh sửa, bổ sung các nội dung liên quan thuộc Chương trình nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn.

## 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để lấy trẻ em làm trung tâm, có sự tham gia của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em trong xây dựng chính sách số về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em.

c) Xây dựng, tích hợp các kênh thông báo trực tuyến về các vấn đề liên quan đến trẻ em trên môi trường mạng với Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em số 111.

d) Tập huấn cho trẻ em về kỹ năng tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng và kỹ năng tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

đ) Tổ chức tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho trẻ em bị xâm hại trên môi trường mạng trên cơ sở lồng ghép, bổ sung nhiệm vụ cho các cơ sở trợ giúp xã hội.

## 3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì xây dựng và lồng ghép vào chương trình giáo dục việc đào tạo “bộ kỹ năng số” cho trẻ em theo độ tuổi gồm một số nội dung, kỹ năng như: kiến thức về mạng Internet, mạng xã hội; kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin tối thiểu; bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng; cách thức nhận biết khi bị lợi dụng, xâm hại trên môi trường mạng và nơi cần thông tin, phản ánh...

b) Xây dựng mô hình, quy chế quản lý việc dạy học trực tuyến và các hướng dẫn cho nhà trường, giáo viên về nội dung bảo đảm an toàn thông tin, tham gia môi trường mạng an toàn đối với các hoạt động giảng dạy, quản lý giáo dục.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp kỹ thuật tại trường học nhằm giám sát, chặn lọc truy cập các nội dung vi phạm pháp luật, các nội dung không phù hợp với học sinh theo từng lứa tuổi; kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát, chặn lọc này với Bộ Thông tin và Truyền thông.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan chức năng thúc đẩy trao đổi hợp tác quốc tế trong việc bảo đảm an toàn thông tin cho trẻ em tại trường học.

đ) Ưu tiên triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông do các doanh nghiệp Việt Nam phát triển nhằm hỗ trợ công tác quản lý giáo dục, việc học và dạy học trên môi trường mạng; chủ trì, phối hợp với Bộ

Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan xây dựng bộ tiêu chí, tổ chức đánh giá và công bố các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông đạt yêu cầu sử dụng nhằm hỗ trợ hiệu quả công tác đào tạo, việc học và dạy học.

#### 4. Bộ Công an

a) Chỉ đạo lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và lực lượng nghiệp vụ áp dụng các biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh hành vi sử dụng môi trường mạng xâm hại trẻ em.

b) Chỉ đạo cơ quan điều tra các cấp tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về hành vi sử dụng môi trường mạng xâm hại trẻ em; phối hợp với Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân các cấp điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh các hành vi xâm hại trẻ em liên quan đến môi trường mạng.

c) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi sử dụng môi trường mạng xâm hại trẻ em.

d) Xây dựng cơ chế phối hợp, quy trình xử lý trong việc tiếp nhận thông tin, điều tra, xử lý, xử phạt và truy tố đối với các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng.

đ) Nắm đầy đủ, kịp thời thông tin đối với các đối tượng có tiền án, tiền sự về xâm hại trẻ em liên quan đến môi trường mạng và tiến hành các biện pháp phòng ngừa theo quy định pháp luật.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; phối hợp với cơ quan thực thi pháp luật các nước xác minh, điều tra, xử lý các vụ việc liên quan đến nạn nhân là trẻ em Việt Nam bị bóc lột và lạm dụng trên môi trường mạng qua kênh hợp tác Interpol và Tương trợ tư pháp về hình sự.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các bộ, ngành liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về bảo vệ, hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

6. Bộ Tài chính đảm bảo kinh phí thực hiện Chương trình hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

#### 7. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Thực hiện quy trình xét xử trẻ em bị xâm hại theo hướng thuận tiện, giảm tối đa ảnh hưởng về tâm lý, tinh thần đối với trẻ; bồi dưỡng, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho các cán bộ làm việc với trẻ em trong quá trình tố tụng; hỗ trợ trẻ về các thủ tục tố tụng, bồi thường, khiếu nại và biện pháp khắc phục hậu quả đối với nạn nhân là trẻ em.

8. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên, các hội viên, đoàn viên trong hệ thống tổ chức mình tham gia vận động, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm về bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trên môi trường mạng.

Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương triển khai các chương trình giám sát, phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật liên quan đến bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

Đề nghị Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi trên không gian mạng, triển khai các cuộc vận động, chương trình tham gia xây dựng môi trường mạng an toàn, lành mạnh trong thanh thiếu nhi.

#### 9. Các doanh nghiệp

Xây dựng chính sách, triển khai các giải pháp, biện pháp để ngăn chặn và xử lý các nội dung xâm hại trẻ em trên môi trường mạng trong doanh nghiệp.

a) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet (ISP): Ngăn chặn việc chia sẻ và chặn lọc thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm hại đến trẻ em, quyền trẻ em theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trực tuyến: Triển khai công cụ kiểm soát thời gian chơi, độ tuổi người chơi để bảo vệ trẻ em khỏi tình trạng lạm dụng, nghiện trò chơi điện tử theo quy định của pháp luật.

#### c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng

- Kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm hại đến trẻ em, quyền trẻ em.

- Khi đưa thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em lên mạng phải có sự đồng ý của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên.

- Phải sử dụng các biện pháp, công cụ bảo đảm an toàn về thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em, các thông điệp cảnh báo nguy cơ khi trẻ em cung cấp, thay đổi thông tin bí mật đời sống riêng tư.

- Thực hiện cảnh báo hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền gỡ bỏ thông tin, dịch vụ gây hại cho trẻ em, thông tin, dịch vụ giả mạo, xuyên tạc xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

- Thiết lập tính năng và tích hợp với hệ thống tiếp nhận phản ánh của cơ quan chức năng có thẩm quyền để cho phép người sử dụng có thể thông báo các thông tin, dịch vụ gây hại cho trẻ em, thông tin, dịch vụ giả mạo, xuyên tạc, xâm hại trẻ em.

d) Doanh nghiệp sản xuất các thiết bị di động thông minh, máy tính và doanh nghiệp sản xuất phần mềm, dịch vụ nội dung số: Khuyến khích việc cài đặt các phần mềm/giải pháp/công cụ cho phép cha mẹ/người bảo hộ quản lý, giám sát việc sử dụng của trẻ em trước khi đưa sản phẩm, dịch vụ thị trường.

10. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí, truyền thông, phương tiện thông tin đại chúng

- Tăng thời lượng, hàm lượng tin đưa nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng và phản ánh đúng đắn thực trạng của vấn đề bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật.

- Khi đưa thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em lên mạng phải có sự đồng ý của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên.

11. Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam, Hội Truyền thông số Việt Nam, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam phối hợp cùng các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước triển khai các hoạt động liên quan tới tuyên truyền, nâng cao nhận thức và các nhiệm vụ liên quan khác; vận động doanh nghiệp hội viên phát triển sản phẩm, dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin cho trẻ em trên môi trường mạng; định kỳ tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp lớn cho công tác bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.

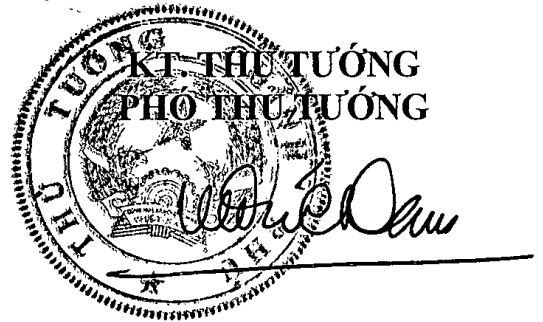
12. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng; giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc tham gia công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể cùng vào cuộc nhằm nâng cao nhận thức và từng bước trang bị kỹ năng số cho trẻ em trên địa bàn, tổ chức các lớp dạy kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ và trẻ em ngoài trường học trên địa bàn có nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban quốc gia về trẻ em;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). **36**



**Vũ Đức Đam**



**Phụ lục**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN VÀ ỦY BAN**  
**NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**  
(Kèm theo Quyết định số: 830/QĐ-TTg  
Ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
<b>I. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HÀNH LANG PHÁP LÝ VÀ CÁC QUY CHẾ, QUY TRÌNH PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH</b>				
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hành lang pháp lý, chính sách về bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông		Thường xuyên
2	Xây dựng bộ quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông		Quý I/2022
3	Xây dựng cơ chế phối hợp, quy trình xử lý trong việc tiếp nhận thông tin, điều tra, xử lý đối với các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; cơ chế liên ngành theo dõi tội phạm xâm hại tình dục trẻ em trên môi trường mạng	Bộ Công an	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Thông tin và Truyền thông; các cơ quan, tổ chức liên quan	Quý IV/2021
4	Đề xuất các giải pháp để lấy trẻ em làm trung tâm, có sự tham gia của trẻ em hoặc tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em trong xây dựng chính sách số về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Bộ Công an; Bộ Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên
<b>II. GIÁO DỤC, TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ TRANG BỊ KỸ NĂNG</b>				
1	Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác truyền thông tới toàn xã hội về hoạt động bảo vệ và hỗ trợ trẻ em trên môi trường mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	VTV, VOV và các cơ quan báo chí.	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
2	Xây dựng tài liệu tuyên truyền, tổ chức tập huấn, cung cấp thông tin cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên, nhà báo hoạt động trong lĩnh vực CNTT về hiện trạng vấn đề bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và các xu hướng công nghệ để bảo vệ, hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan báo chí	Định kỳ hàng năm
3	<p>Truyền thông, phổ biến kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em và mạng lưới cộng tác viên bảo vệ trẻ em.</p> <p>Tăng cường hiển thị trên các kênh truyền hình trung ương và địa phương số điện thoại đường dây nóng Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em số 111 tiếp nhận thông tin báo cáo xâm hại trẻ em và địa chỉ liên hệ của các trung tâm, tổ chức tư vấn, cứu trợ khẩn cấp.</p>	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông	Định kỳ hàng năm
4	Tập huấn cho trẻ em về kỹ năng tự bảo vệ mình khi tham gia môi trường mạng và kỹ năng tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo	Định kỳ hàng năm
5	Xây dựng và lồng ghép vào chương trình giáo dục việc đào tạo “bộ kỹ năng số” cho trẻ em theo độ tuổi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bắt đầu thực hiện từ năm học 2021 - 2022
6	Thiết lập cổng thông tin điện tử, ứng dụng trực tuyến, các kênh thông tin (fanpage) trên các mạng xã hội trực tuyến có nhiều người sử dụng ở Việt Nam để hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Quý III/2021

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
7	Tăng thời lượng, hàm lượng tin đưa nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng và phản ánh đúng đắn thực trạng của vấn đề bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật	VTV, VOV, TTXVN, cơ quan báo chí		Nhiệm vụ thường xuyên
<b>III. CÁC BIỆN PHÁP, GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ</b>				
1	Xây dựng, tổ chức thu thập dữ liệu và vận hành cơ sở dữ liệu CSAM của Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công an; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quý IV/2022
2	Triển khai giải pháp kỹ thuật nhằm tích hợp tự động các phản ánh từ doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ, người sử dụng trên Internet về các vụ việc liên quan tới xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Xây dựng và triển khai các hệ thống kỹ thuật hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu, thu thập, phân tích thông tin nhằm ngăn chặn nội dung xâm hại trẻ em và giám sát tuân thủ việc các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ trên Internet thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ nhanh chóng, kịp thời các nội dung xâm hại trẻ em trên môi trường mạng theo yêu cầu của cơ quan chức năng.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các ISP và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan	Quý II/2022  Quý IV/2022
3	Xây dựng, nâng cấp, tích hợp các kênh thông báo trực tuyến về các vấn đề liên quan đến trẻ em trên môi trường mạng với Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em số 111	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Công an.	Quý I/2022
4	Xây dựng mô hình, quy chế quản lý việc dạy học trực tuyến và các hướng dẫn cho nhà trường, giáo viên về nội dung bảo đảm an toàn thông tin, tham gia môi trường mạng an toàn đối với các hoạt động giảng dạy, quản lý giáo dục. Triển khai các giải pháp kỹ thuật tại trường học nhằm giám sát, chặn lọc truy cập nội dung vi phạm pháp luật, nội dung không phù hợp với học sinh theo từng lứa tuổi; kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát, chặn lọc này với Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bắt đầu từ năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
5	<p>Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sáng kiến, cung cấp các giải pháp kỹ thuật an toàn thông tin bảo vệ trẻ em tương tác an toàn trên môi trường mạng.</p> <p>Đề xuất Thủ tướng Chính phủ cơ chế thí điểm đặt hàng doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ do các doanh nghiệp Việt Nam phát triển để hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng.</p>	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, doanh nghiệp và hội, hiệp hội trong lĩnh vực CNTT-TT	Thường xuyên  Quý II/2022
<b>IV. HOÀN THIỆN CƠ CẤU TỔ CHỨC, NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC THI PHÁP LUẬT</b>				
1	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, kịp thời ứng phó với các vấn đề liên quan đến trẻ em trên môi trường mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công an.		Nhiệm vụ thường xuyên
2	Thành lập, tổ chức hoạt động Mạng lưới ứng cứu và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và ban hành cơ chế, quy định điều phối các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện ngăn chặn dữ liệu, thông tin xâm hại trẻ em	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan	Quý II/2021
3	Tổ chức tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho trẻ em bị xâm hại trên môi trường mạng trên cơ sở lồng ghép, bổ sung nhiệm vụ cho các cơ sở trợ giúp xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, cơ quan liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
4	Xây dựng bộ tiêu chí, tổ chức đánh giá và công bố các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông đạt yêu cầu sử dụng nhằm hỗ trợ hiệu quả công tác đào tạo, việc học và dạy học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Định kỳ công bố hàng năm
5	Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổ chức một số đoàn công tác kiểm tra về nội dung bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.  Xây dựng, phát hành Báo cáo đánh giá tình hình và đề xuất các giải pháp về bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng của Việt Nam hàng năm.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các bộ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan	Định kỳ theo kế hoạch công tác Quý I hàng năm.
<b>V. TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ</b>				
1	Tham gia theo thẩm quyền hoặc đề xuất Việt Nam tham gia các tổ chức, cam kết quốc tế về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; cung cấp nội dung về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng trong các xếp hạng, đánh giá của quốc tế; tăng cường kết nối, chuyển giao công nghệ và trao đổi hợp tác quốc tế trong việc bảo đảm an toàn thông tin cho trẻ em trên môi trường mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Ngoại giao; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các tổ chức quốc tế liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
2	Vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về bảo vệ, hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Ngoại giao; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các bộ, ngành, địa phương	Nhiệm vụ thường xuyên

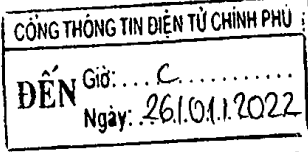
STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
3	Thúc đẩy trao đổi hợp tác quốc tế trong việc bảo đảm an toàn thông tin cho trẻ em tại trường học.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Ngoại giao; các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên
4	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; phối hợp với cơ quan thực thi pháp luật các nước xác minh, điều tra, xử lý các vụ việc liên quan đến nạn nhân là trẻ em Việt Nam bị bóc lột và lạm dụng trên môi trường mạng qua kênh hợp tác Interpol và Tương trợ tư pháp về hình sự.	Bộ Công an	Bộ Ngoại giao	Nhiệm vụ thường xuyên
<b>VI. NHIỆM VỤ KHÁC</b>				
1	Tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng; giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc tham gia công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể cùng vào cuộc nhằm nâng cao nhận thức và từng bước trang bị kỹ năng số cho trẻ em trên địa bàn, tổ chức các lớp dạy kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ và trẻ em ngoài trường học trên địa bàn có nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng.	Các bộ, ngành, UBND các cấp	Các tổ chức đoàn thể ở Trung ương và địa phương; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan.	Nhiệm vụ thường xuyên

TPTC/2

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 131 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2022



**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2023;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu như sau:

## I. QUAN ĐIỂM

1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

2. Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số.

3. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của các cơ sở giáo dục và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội.

4. Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

5. Hoàn thiện thể chế trên cơ sở các mô hình thử nghiệm và phát triển một số nền tảng, tài nguyên giáo dục sử dụng chung là chìa khóa để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

### 2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến

+ Hình thành một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh, sinh viên sử dụng;

+ Hình thành kho học liệu trực tuyến quốc gia đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

+ Hơn 50% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

+ Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học;

+ Tỷ trọng lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học đạt trung bình 20%;

+ Trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Các cơ quan quản lý giáo dục từ trung ương tới các địa phương được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

### 3. Mục tiêu đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- Giáo dục đại học số trở thành một trụ cột của hệ thống giáo dục đại học, chiếm tỉ trọng 30% quy mô; 100% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

## III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên;

b) Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy - học

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Xây dựng một số trung tâm đào tạo và nghiên cứu xuất sắc về công nghệ theo hình thức hợp tác công - tư cho giáo dục đại học.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; công thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở đào tạo đại học; phát triển các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành và thực tập ảo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong giáo dục đại học.

c) Phát triển, ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy - học và triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số

- Phát triển, ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm; tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục;

- Phát triển, ứng dụng nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs), tăng cường công nhận tín chỉ các khóa học trực tuyến giữa các cơ sở giáo dục đại học;

- Triển khai thí điểm mô hình giáo dục đại học số tại một số cơ sở giáo dục đại học.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cải cách các mô hình quản trị cơ sở giáo dục đại học (quản lý tuyển sinh, quản lý chương trình đào tạo, quản lý thông tin người học, quản lý thông tin đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, quản trị văn phòng điện tử, quản lý các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khác);

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục tại Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo);

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục;

- Phát triển các trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục;

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử (HCI)

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu;

c) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ

cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số;

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời cho các tổ chức quốc tế.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách

a) Rà soát và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học;

b) Rà soát và ban hành các quy định kỹ thuật về dữ liệu; hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; ban hành tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục; ban hành các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục;

c) Ban hành chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số; chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục (Edtech); chính sách máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên; chính sách Internet giáo dục;

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các bộ, ngành, địa phương theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Đề án; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Đề án.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

4. Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ của Đề án theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án;

b) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Mục III.6, Mục III.1.b, Mục III.3.d và các nhiệm vụ, giải pháp liên quan tại mục III của Quyết định này;

c) Tổ chức sơ kết sau 02 năm triển khai Đề án; đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án trong trường hợp cần thiết; tổng kết sau khi kết thúc thực hiện Đề án.

## 2. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin nghiên cứu, phát triển các nền tảng, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

b) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin nghiên cứu, phát triển hạ tầng số quốc gia, hạ tầng Internet đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục; đảm bảo kết nối Internet tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách ưu đãi về dịch vụ Internet và dịch vụ công nghệ thông tin đối với người học, đội ngũ nhà giáo và các cơ sở giáo dục.

## 3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành có liên quan bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện Đề án theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.

## 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định để triển khai Đề án.

## 5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Căn cứ mục tiêu, nội dung, giải pháp của Đề án để cụ thể hóa nội dung triển khai trong các chương trình, kế hoạch phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số trung hạn và hàng năm của cơ quan, đơn vị;

b) Có các giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục trực thuộc;

c) Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ mục tiêu, nội dung, giải pháp của Đề án để cụ thể hóa nội dung trong các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng Kế hoạch, Đề án hoặc Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Có các giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn;

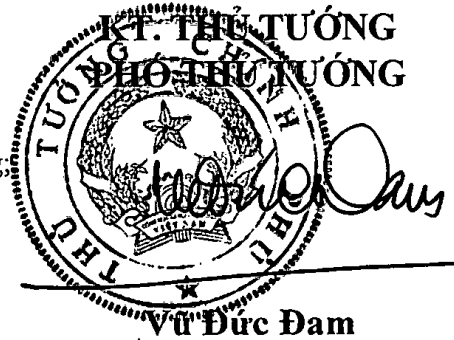
c) Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án; tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TTK HĐGD, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). **10**



TTG

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 146 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2022

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 8
	Ngày: 18/01/22

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

## I. QUAN ĐIỂM

1. Nâng cao nhận thức là tiên quyết để thực hiện chuyển đổi số vì nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số.

2. Phổ cập kỹ năng số là chìa khóa để người dân được tiếp cận kiến thức, kỹ năng số để cùng tham gia vào quá trình chuyển đổi số, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ số một cách bình đẳng, giúp xây dựng một xã hội số bao trùm và toàn diện.

3. Phát triển nguồn nhân lực là then chốt để thực hiện chuyển đổi số hiệu quả và bền vững, giúp thực hiện thành công các mục tiêu trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số. Phổ cập kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình chuyển đổi số quốc gia. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương.

### 2. Mục tiêu cụ thể

#### a) Mục tiêu đến 2025:

- Lãnh đạo các cấp, các ngành trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhận thức sâu sắc về chuyển đổi số để chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình. Mọi người dân được cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.

- 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số.

- 100% cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số và được đánh giá trực tuyến kết quả đào tạo qua Hệ thống đánh giá, sát hạch chuẩn kỹ năng số quốc gia.

- 70% số người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

- 100% các bộ, cơ quan ngang bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng được mạng lưới chuyển đổi số đến tận cấp cơ sở với đội ngũ thành viên được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng làm nòng cốt cho tiến trình chuyển đổi số trong các ngành, các cấp.

- Đào tạo được tối thiểu 1.000 chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

- Hoàn thiện mô hình "Giáo dục đại học số" và thí điểm triển khai mô hình tại một số cơ sở giáo dục đại học. Khuyến khích các trường đại học dân lập tham gia thí điểm triển khai mô hình.

- Đào tạo được 5.000 kỹ sư, cử nhân, cử nhân thực hành chất lượng cao chuyên ngành công nghệ số tại các trường đại học, cao đẳng có thế mạnh trong đào tạo về chuyển đổi số.

- 50% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

#### b) Mục tiêu đến 2030:

- 90% số người dân trong độ tuổi lao động biết đến các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; thành thạo cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu.

- Hoàn thiện và mở rộng triển khai mô hình "Giáo dục đại học số" tới tối thiểu 50% các trường đại học công lập trong toàn quốc.

- Đào tạo được 20.000 kỹ sư, cử nhân, cử nhân thực hành chất lượng cao chuyên ngành công nghệ số tại các trường đại học, cao đẳng có thế mạnh trong đào tạo về chuyển đổi số.

- 80% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

### III. CÁC NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN

#### 1. Nhóm các nhiệm vụ nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Xây dựng các chiến dịch truyền thông số trải rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về chuyển đổi số; thiết lập và phát triển các trang (tài khoản/kênh) trên các nền tảng mạng xã hội; xây dựng Cổng thông tin điện tử chính thức về Chương trình chuyển đổi số quốc gia tích hợp trợ lý ảo tự động trả lời cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp các nội dung liên quan đến chuyển đổi số; sử dụng công nghệ trí tuệ (AI), hệ thống tương tác tự động (chatbot) để thực hiện tuyên truyền tự động.

b) Tổ chức cuộc thi thiết kế bộ nhận diện, khẩu hiệu đẹp, hay, ý nghĩa, hiệu quả truyền thông cao, dễ thể hiện, in ấn, trang trí, trưng bày tại nhiều nơi, trên nhiều phương tiện, chất liệu cho Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

c) Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa tin, đặt bài, viết bài về chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, báo điện tử, trang tin điện tử, diễn đàn trực tuyến; tuyên truyền trên các công/trang thông tin điện tử, mạng nội bộ của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

d) Sản xuất các chương trình, phim tài liệu, phóng sự, bài hát, trao đổi, đối thoại, chuyên đề chuyên sâu về chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh, truyền hình; sản xuất các nội dung tin bài, ảnh, video, clip tạo xu thế về chuyển đổi số để đăng, phát trên các kênh, nền tảng khác nhau và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

đ) Tổ chức các chương trình trò chơi trên truyền hình, cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số trên các kênh truyền hình, khuyến khích sự tham gia của các nhân vật tiêu biểu, người nổi tiếng, người có ảnh hưởng với công chúng.

e) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các cuộc triển lãm, trưng bày lưu động về sản phẩm số, giải pháp số, các thành tựu về chuyển đổi số của Việt Nam; lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong các cuộc triển lãm, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Việt Nam ở nước ngoài; các cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số, báo chí viết về chuyển đổi số và Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

g) Xây dựng các chương trình phát thanh tuyên truyền về chuyển đổi số phù hợp với chủ trương, định hướng chuyển đổi số của từng địa phương và đặc điểm của các vùng miền nhằm phục vụ tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; thực hiện truyền thông về chuyển đổi số qua các mạng xã hội phổ biến tại Việt Nam.

h) Tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, tranh cổ động, đồ họa thông tin (infographic), đồ họa chuyển động (motion graphics), các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp tuyên truyền về chuyển đổi số.

i) Suu tầm, biên tập, biên dịch, biên soạn, xây dựng các tài liệu của các tác giả trong và ngoài nước về chuyển đổi số để tuyên truyền sử dụng chung cho các đối tượng và theo chủ đề, chuyên đề phù hợp. Chia sẻ rộng rãi để các cơ quan, đơn vị có thể khai thác, sử dụng chung.

k) Sản xuất các nội dung chuyên biệt về tiềm năng, thế mạnh và các thành tựu của Việt Nam trong chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số như công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, thành phố, đô thị thông minh. Cung

cấp thông tin cho các tổ chức quốc tế thực hiện đánh giá, xếp hạng Việt Nam trong các chỉ số toàn cầu về Chính phủ số, Chính phủ điện tử (EGDI), công nghệ thông tin (IDI), an toàn thông tin (GCI), năng lực cạnh tranh (GCI) và đổi mới sáng tạo (GII).

l) Chia sẻ kinh nghiệm trong công tác chuyển đổi số của các nước trong khu vực và quốc tế; tổng hợp các mô hình và giải pháp chuyển đổi số trong các lĩnh vực; phân tích xu hướng và tác động của chuyển đổi số đến các ngành nghề mới, chuyển dịch nghề nghiệp trong xã hội; giới thiệu để nhân rộng các mô hình, giải pháp chuyển đổi số.

m) Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

## 2. Nhóm các nhiệm vụ về phổ cập kỹ năng chuyển đổi số

a) Xây dựng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) về kỹ năng số cho phép người dân truy cập miễn phí để tự học các kỹ năng số. Các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ vào nội dung, học liệu trên Nền tảng để thực hiện giảng dạy, phổ cập kỹ năng số. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia xây dựng kho học liệu số phù hợp với các tiêu chuẩn trên Nền tảng.

b) Tổ chức các chương trình đào tạo, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan từ trung ương đến cấp xã, trong tổ chức, doanh nghiệp nhà nước và cơ quan thông tấn, báo chí. Lồng ghép, đưa nội dung nâng cao nhận thức về chuyển đổi số vào chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tư nhân triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người lao động trong tổ chức, doanh nghiệp của mình.

c) Phổ cập kỹ năng số cho người dân qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, đào tạo theo hướng cá nhân hóa. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại. Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân được học tập, nghiên cứu mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm và công nhận chứng chỉ đào tạo trực tuyến.

d) Hợp tác với các tổ chức có uy tín về đào tạo kỹ năng số trong và ngoài nước để xây dựng các chương trình đào tạo về kỹ năng số.

đ) Xây dựng và thường xuyên cập nhật phương pháp, tiêu chí đo lường kỹ năng số, khoảng cách số phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng năm thực hiện đánh giá và công bố.

### 3. Nhóm các nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

a) Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, công nghệ số cho đội ngũ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác tham mưu chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước đến cấp xã, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

b) Lựa chọn tối thiểu 1.000 cán bộ từ các cơ quan nhà nước ở trung ương, địa phương và một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng tổng hợp, phân tích dữ liệu số để hỗ trợ ra quyết định phù hợp theo chuyên môn, ngành nghề, lĩnh vực.

c) Hình thành mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số quốc gia trên cơ sở liên kết 1.000 chuyên gia chuyển đổi số với các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước làm việc trong lĩnh vực chuyển đổi số, công nghệ số để gắn kết sức mạnh tri thức, thúc đẩy chuyển đổi số.

d) Xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thí điểm mô hình "Giáo dục đại học số" tại một số trường đại học phù hợp. Xây dựng, ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.

đ) Tổ chức đào tạo giáo viên dạy các hoạt động giáo dục liên quan đến tin học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, kỹ thuật và nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông về phương pháp STEM/STEAM.

e) Tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên ngành công nghệ số như công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, tài chính số, kinh doanh số, truyền thông số,... Tổ chức đào tạo bổ sung, cập nhật các kiến thức, kỹ năng số cho giảng viên đại học, nhất là giảng viên các chuyên ngành kinh tế và xã hội.

g) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học, sau đại học ở các lĩnh vực, ngành, nghề mở thêm chuyên ngành đào tạo hoặc cập nhật, bổ sung nội dung đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực, ngành, nghề của mình. Đổi mới chương trình đào tạo và tăng chỉ tiêu đào tạo đối với các ngành công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ. Chuẩn hóa các chuyên ngành đào tạo gắn với nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

h) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông với lộ trình triển khai cụ thể. Trong đó, ưu tiên triển khai thí điểm ở các thành phố trực thuộc trung ương và một số địa phương trước khi nhân rộng quy mô toàn quốc.

i) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế", trong đó cơ quan nhà nước có vai trò dẫn dắt, liên kết các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh

nghiệp. Xây dựng và tổ chức triển khai các nền tảng số kết nối các cơ sở giáo dục, đào tạo với các doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, thúc đẩy học từ làm việc thực tế; đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động thích ứng với thị trường lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

k) Triển khai mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở; thí điểm xây dựng và triển khai chương trình sách giáo khoa mở cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức của các đối tượng yếu thế trong xã hội, tiết kiệm chi phí in ấn hàng năm.

l) Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

#### **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách**

a) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

b) Áp dụng hình thức khen thưởng đột xuất và kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong chuyển đổi số, giúp mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và lợi ích cho cộng đồng.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách thu hút các giảng viên giỏi tham gia giảng dạy về chuyển đổi số, công nghệ số tại các cơ sở giáo dục; xây dựng chính sách ưu tiên để thu hút học sinh, sinh viên học chuyên sâu các chuyên ngành về chuyển đổi số, công nghệ số; xây dựng quỹ học bổng từ nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, tập đoàn, hãng công nghệ để cấp cho sinh viên theo học chuyên sâu các ngành về chuyển đổi số, công nghệ số có thành tích học tập xuất sắc.

##### **2. Nhóm các giải pháp hỗ trợ triển khai**

a) Truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của Đề án, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong thực hiện chuyển đổi số và các nội dung của Đề án.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu công nghệ số, kỹ năng số, kinh tế số và xã hội số; khuyến khích các cơ sở giáo dục của Việt Nam xây dựng, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, học viên với các cơ sở giáo dục, nghiên cứu về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số có uy tín trên thế giới.

c) Chọn lọc các chương trình tiên tiến của nước ngoài để hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế đào tạo kỹ sư, cử nhân chuyên sâu về chuyển đổi số, công nghệ số.

d) Khuyến khích, hỗ trợ các hình thức hợp tác giữa nhà trường, viện nghiên cứu và tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực chuyển đổi số; xây dựng chương trình phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tập đoàn, doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu.

đ) Xây dựng cơ chế quản lý, kiểm định, sát hạch và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục, đào tạo về chuyển đổi số, công nghệ số nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đào tạo.

### 3. Nhóm các giải pháp về cơ chế tài chính

a) Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai Đề án, huy động các nguồn lực tài chính từ xã hội và các nguồn kinh phí khác cho hoạt động nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số.

b) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi Đề án được giao cho các bộ, các cơ quan trung ương chủ trì và các hoạt động chỉ đạo, điều hành triển khai Đề án.

c) Địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi Đề án được giao cho các địa phương chủ trì.

d) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế bố trí kinh phí từ ngân sách của mình để đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ thuộc cơ quan, đơn vị mình.

đ) Ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai các chương trình, dự án đào tạo thực hành ngắn hạn về chuyển đổi số, công nghệ số, kỹ năng số cho cán bộ chuyên trách tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

e) Ưu tiên kinh phí từ các chương trình học bổng để đào tạo giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ chuyên trách về công nghệ số ở nước ngoài; ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực từ xã hội và các nguồn tài trợ quốc tế để đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục trọng điểm về công nghệ số, kinh tế số và xã hội số.

g) Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học ưu tiên bố trí ngân sách từ các nguồn thu hợp pháp theo quy định để triển khai đào tạo, nghiên cứu phát triển về chuyển đổi số, công nghệ số.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Đề án; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả triển khai Đề án.

b) Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Đề án, kịp thời đề xuất điều chỉnh các nội dung nhiệm vụ, giải pháp của Đề án trong trường hợp cần thiết. Tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án vào năm 2025.

### 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học, sau đại học xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên ngành chuyển đổi số, công nghệ số và mở thêm các chuyên ngành đào tạo hoặc cập nhật, bổ sung nội dung đào tạo về chuyển đổi số, công nghệ số trong các chuyên ngành đào tạo hiện có.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và tổ chức triển khai thí điểm mô hình "Giáo dục đại học số"; xây dựng, ban hành Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học.

c) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cải thiện và nâng cao xếp hạng Chỉ số nguồn nhân lực theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc.

### 3. Bộ Nội vụ

Nghiên cứu, đưa nội dung nâng cao nhận thức về chuyển đổi số vào chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

### 4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo đội ngũ giáo viên chuyển đổi số, công nghệ số và mở thêm các ngành đào tạo hoặc cập nhật, bổ sung nội dung đào tạo về chuyển đổi số, công nghệ số trong các chuyên ngành đào tạo hiện có.

b) Truyền thông cho các tầng lớp lao động dễ bị tác động, ảnh hưởng bởi chuyển đổi số trong xã hội để kịp thời cập nhật thông tin, kiến thức nhằm nâng cao khả năng thích ứng với môi trường mới.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế".

d) Xây dựng và tổ chức triển khai các nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp nhằm trao đổi thông tin, thúc đẩy học từ làm việc thực tế; đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

đ) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Khung phổ cập kỹ năng số quốc gia, Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) về kỹ năng số và Hệ thống đánh giá, sát hạch chuẩn kỹ năng số quốc gia.

#### 5. Bộ Tài chính

Căn cứ đề xuất và khả năng cân đối ngân sách trung ương, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các bộ, ngành trung ương và địa phương để thực hiện Đề án theo Luật Ngân sách nhà nước.

#### 6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Tổng hợp các dự án đầu tư để thực hiện Đề án từ nguồn vốn đầu tư công trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành trung ương và địa phương theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trong từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp ngân sách Nhà nước chi đầu tư; bố trí, phân bổ kinh phí đầu tư thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thuộc Đề án; hướng dẫn quản lý đầu tư thực hiện các nội dung thuộc Đề án.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án cho cả giai đoạn và kế hoạch hàng năm, bảo đảm đồng bộ các nội dung kế hoạch với kế hoạch phát triển chính phủ số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của cơ quan, địa phương mình.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục kèm theo.

c) Bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

d) Cử cán bộ và bố trí kinh phí cho cán bộ tham gia chương trình đào tạo 1.000 chuyên gia chuyển đổi số và các hoạt động của mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số quốc gia theo sự điều phối của Bộ Thông tin và Truyền thông.

đ) Thực hiện tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả triển khai Đề án và gửi Bộ Thông tin và Truyền thông chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan truyền thông, báo chí khác: chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền về kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án. Chủ động sản xuất các tin, bài, phóng sự, phim tài liệu, chương trình, trò chơi trên truyền hình. Mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền trên các chương trình phát thanh, truyền hình về Chương trình chuyển đổi số quốc gia và các nội dung liên quan đến chuyển đổi số.

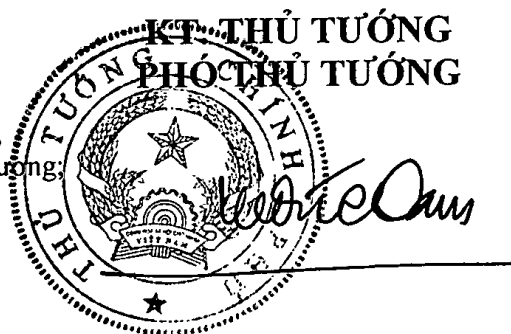
9. Các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước: bố trí đủ nguồn lực và kinh phí để tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng, phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số. Phối hợp với các bộ ngành liên quan và các cơ sở giáo dục, đào tạo để thực hiện Chương trình "Học từ làm việc thực tế". Tích cực tài trợ, ủng hộ xây dựng các quỹ học bổng phục vụ đào tạo nguồn nhân lực chuyên đổi số.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

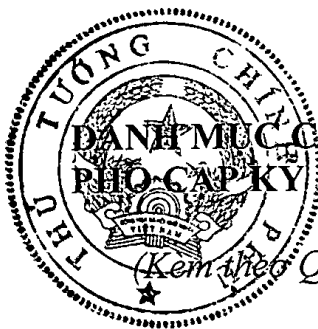
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, KSTT (2).VT.A. MO



**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Vũ Đức Đam**





Phụ lục

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO NHẬN THỨC,  
PHỒI CẤP KỸ NĂNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ QUỐC GIA  
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Xây dựng cơ chế, chính sách</b>			
1	Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên trách và trực tiếp triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
2	Áp dụng hình thức khen thưởng đột xuất và kịp thời cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý tưởng, sáng kiến, cách làm đột phá, sáng tạo trong chuyển đổi số, giúp mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và lợi ích cho cộng đồng	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
3	Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách thu hút các giảng viên giỏi tham gia giảng dạy về chuyển đổi số, công nghệ số tại các cơ sở giáo dục; xây dựng chính sách ưu tiên để thu hút học sinh, sinh viên khá giỏi theo học chuyên sâu các chuyên ngành về chuyển đổi số, công nghệ số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông; các cơ sở giáo dục	2022 - 2025
4	Vận động xây dựng quỹ học bổng từ nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, tập đoàn, hãng công nghệ để cấp cho sinh viên theo học chuyên sâu các ngành về chuyển đổi số, công nghệ số có thành tích học tập xuất sắc	Các địa phương, các cơ sở giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>II</b>	<b>Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số</b>			
1	Xây dựng các chiến dịch truyền thông số trải rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về chuyển đổi số; thiết lập và phát triển các trang (tài khoản/kênh) trên các nền tảng mạng xã hội	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
2	Xây dựng Công thông tin điện tử chính thức về Chương trình chuyển đổi số quốc gia tích hợp trợ lý ảo tự động trả lời cơ quan, tổ chức, người dân, doanh nghiệp các nội dung liên quan đến chuyển đổi số; sử dụng công nghệ trí tuệ (AI), hệ thống tương tác tự động (chatbot) để thực hiện tuyên truyền tự động	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2023
3	Tổ chức cuộc thi thiết kế bộ nhận diện và khẩu hiệu đẹp, hay, ý nghĩa, hiệu quả truyền thông cao, dễ thể hiện, in ấn, trang trí, trưng bày tại nhiều nơi, trên nhiều phương tiện, chất liệu cho Chương trình chuyển đổi số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025
4	Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng; đưa tin, đặt bài, viết bài về chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, báo điện tử, trang tin điện tử, diễn đàn trực tuyến; tuyên truyền trên các công/trang thông tin điện tử, mạng nội bộ của các cơ quan, tổ chức nhà nước	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
5	Sản xuất các chương trình, phim tài liệu, phóng sự, bài hát, trao đổi, đối thoại, chuyên đề chuyên sâu về chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh, truyền hình; sản xuất các nội dung tin bài, ảnh, video, clip tạo xu thế về chuyển đổi số để đăng, phát trên các kênh, nền tảng khác nhau và trên các phương tiện thông tin đại chúng	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Tuyên truyền trực quan, sử dụng pa-nô, áp phích, tranh cổ động, đồ họa thông tin (infographic), đồ họa chuyển động (motion graphics), các vật dụng được in ấn thông tin tuyên truyền, biểu trưng nhận diện thông điệp tuyên truyền về chuyển đổi số	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
7	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các cuộc triển lãm, trưng bày lưu động về sản phẩm số, giải pháp số, các thành tựu về chuyển đổi số của Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2030
8	Lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong các cuộc triển lãm, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Việt Nam ở nước ngoài	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
9	Tổ chức các chương trình trò chơi trên truyền hình, cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số trên các kênh truyền hình, khuyến khích sự tham gia của các nhân vật tiêu biểu, người nổi tiếng, người có ảnh hưởng với công chúng	Đài Truyền hình Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2030
10	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chuyển đổi số, báo chí viết về chuyển đổi số và Chương trình chuyển đổi số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2030
11	Xây dựng các chương trình phát thanh tuyên truyền về chuyển đổi số phù hợp với chủ trương, định hướng chuyển đổi số của từng địa phương và đặc điểm của các vùng miền nhằm phục vụ tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở; thực hiện truyền thông về chuyển đổi số qua các mạng xã hội phổ biến tại Việt Nam	Đài Tiếng nói Việt Nam; các địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
12	Sưu tầm, biên tập, biên dịch, biên soạn, xây dựng các tài liệu của các tác giả trong và ngoài nước về chuyển đổi số để tuyên truyền sử dụng chung cho các đối tượng và theo chủ đề, chuyên đề phù hợp. Chia sẻ rộng rãi để các cơ quan, đơn vị có thể khai thác, sử dụng chung	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2030
13	Truyền thông về chuyển đổi số kết hợp giữa các phương tiện truyền thông truyền thống, truyền thông đa phương tiện và truyền thông đa nền tảng. Chú trọng các phương pháp truyền thông số để phạm vi bao phủ rộng và tiết kiệm chi phí	Bộ, ngành, địa phương; tổ chức, doanh nghiệp	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
14	Sản xuất các nội dung chuyên biệt về tiềm năng, thế mạnh và các thành tựu của Việt Nam trong chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số như công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, thành phố, đô thị thông minh	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
15	Cung cấp thông tin cho các tổ chức quốc tế thực hiện đánh giá, xếp hạng Việt Nam trong các chỉ số toàn cầu về Chính phủ số, Chính phủ điện tử (EGDI), công nghệ thông tin (IDI), an toàn thông tin (GCI), năng lực cạnh tranh (GCI) và đổi mới sáng tạo (GII)	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2030
16	Chia sẻ kinh nghiệm trong công tác chuyển đổi số của các nước trong khu vực và quốc tế; tổng hợp các mô hình và giải pháp chuyển đổi số trong các lĩnh vực; phân tích xu hướng và tác động của chuyển đổi số đến các ngành nghề mới, chuyển dịch nghề nghiệp trong xã hội; giới thiệu để nhân rộng các mô hình, giải pháp chuyển đổi số	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
17	Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương; tổ chức, doanh nghiệp	2022 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>III</b>	<b>Phổ cập kỹ năng chuyển đổi số</b>			
1	Xây dựng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) về kỹ năng số cho phép người dân truy cập miễn phí để tự học các kỹ năng số	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp	2022 - 2023
2	Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan từ trung ương đến cấp xã, trong tổ chức, doanh nghiệp nhà nước và cơ quan thông tấn, báo chí	Bộ, ngành, địa phương; tổ chức, doanh nghiệp	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
3	Phổ cập kỹ năng số cho người dân qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà, đào tạo theo hướng cá nhân hóa. Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại	Các địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
4	Hợp tác với các tổ chức có uy tín về đào tạo kỹ năng số trong và ngoài nước để xây dựng các chương trình đào tạo về kỹ năng số	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục đào tạo	2022 - 2025
5	Xây dựng và thường xuyên cập nhật phương pháp, tiêu chí đo lường kỹ năng số, khoảng cách số phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng năm thực hiện đánh giá và công bố	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025
<b>IV</b>	<b>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</b>			
1	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, công nghệ số cho đội ngũ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác tham mưu chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước đến cấp xã, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước	Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Lựa chọn và đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 1.000 chuyên gia chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước ở trung ương, địa phương và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước	2022 - 2025
3	Tổ chức và điều phối hoạt động của mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2030
4	Tổ chức đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên ngành công nghệ số như công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, tài chính số, kinh doanh số, truyền thông số,... Tổ chức đào tạo bổ sung, cập nhật các kiến thức, kỹ năng số cho giảng viên đại học, nhất là giảng viên các chuyên ngành kinh tế và xã hội	Các cơ sở giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025
5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy các hoạt động giáo dục liên quan đến tin học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, kỹ thuật và nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông về phương pháp STEM/STEAM	Các địa phương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2025
6	Đổi mới chương trình đào tạo và tăng chỉ tiêu đào tạo đối với các ngành công nghệ, kỹ thuật, ứng dụng công nghệ. Chuẩn hóa các chuyên ngành đào tạo gắn với nghề nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế	Các cơ sở giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2022 - 2025
7	Triển khai mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở; thí điểm xây dựng và triển khai chương trình sách giáo khoa mở cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông; các cơ sở giáo dục và đào tạo	2022 - 2025
8	Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao xếp hạng Chỉ số nguồn nhân lực theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ, ngành, địa phương	2022 - 2023
<b>V</b>	<b>Hợp tác, hỗ trợ triển khai</b>			
1	Truyền thông, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của Đề án	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
2	Tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi kinh nghiệm về đào tạo, nghiên cứu công nghệ số, kỹ năng số, kinh tế số và xã hội số	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	2021 - 2030
3	Xây dựng, triển khai các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, học viên với các cơ sở giáo dục, nghiên cứu về chuyển đổi số, công nghệ số có uy tín trên thế giới	Các cơ sở giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương	2022 - 2030
4	Chọn lọc các chương trình tiên tiến của nước ngoài để hoàn thiện nội dung, chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế đào tạo kỹ sư, cử nhân chuyên sâu về chuyển đổi số, công nghệ số	Các cơ sở giáo dục và đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2030
5	Thúc đẩy hợp tác giữa nhà trường, viện nghiên cứu và tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực chuyển đổi số; xây dựng chương trình phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tập đoàn, doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu	Các cơ sở giáo dục; tổ chức, doanh nghiệp	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo	2022 - 2030
6	Xây dựng cơ chế quản lý, kiểm định, sát hạch và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục về chuyển đổi số, công nghệ số nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025

Số: **3899** /BGDDT-GDTH

V/v hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học

Hà Nội, ngày **30** tháng **7** năm 2024

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo.

Triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030", Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Kế hoạch số 169/KH-BGDDT ngày 16/02/2023 về việc triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học và Kế hoạch số 102/KH-BGDDT ngày 26/01/2024 về việc tập huấn triển khai thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học. Theo đó, Bộ GDĐT đã tổ chức Hội nghị triển khai, tổ chức tập huấn và thực hiện thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số (GD-KNCDS) ở cấp tiểu học tại 10 tỉnh, thành phố tham gia thí điểm. Để triển khai GD-KNCDS đạt được mục tiêu, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, Bộ GDĐT hướng dẫn các Sở GDĐT tổ chức thực hiện GD-KNCDS trong các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học (cơ sở giáo dục) như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của GD-KNCDS trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) cấp tiểu học; thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GD-KNCDS; bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức GD-KNCDS cho giáo viên trong các cơ sở giáo dục.
2. Thực hiện hiệu quả GD-KNCDS, "*đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp Tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số*<sup>1</sup>". Trang bị kỹ năng công dân số giúp học sinh có kỹ năng và năng lực học tập, sống và làm việc an toàn, hiệu quả trong môi trường số ngày càng phát triển.
3. Tổ chức GD-KNCDS trên cơ sở Khung năng lực số dành cho học sinh phổ thông<sup>2</sup> (Khung NLS); phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, trình độ phát triển nhận thức của học sinh tiểu học và điều kiện của nhà trường; bảo đảm mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan; thúc đẩy tổ chức dạy học tích hợp, giáo dục STEM; không gây áp lực, quá tải cho học sinh và giáo viên.

<sup>1</sup> Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".

<sup>2</sup> Khung năng lực số dành cho học sinh phổ thông – Viện KHGD Việt Nam – Bộ GDĐT nghiên cứu dựa trên khung năng lực số của Châu Âu, UNESCO, UNICEF.

## II. NỘI DUNG VÀ CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ

### 1. Nội dung giáo dục kỹ năng công dân số

Khung NLS là cơ sở xác định nội dung GD-KNCDS cho mỗi hình thức tổ chức GD-KNCDS. Nội dung GD-KNCDS dành cho cấp Tiểu học bao gồm Chương trình GDPT môn Tin học cấp Tiểu học và các nội dung được xác định dựa trên Khung NLS dành cho học sinh cấp Tiểu học. Các nội dung GD-KNCDS được lựa chọn đáp ứng bảy miền năng lực trong Khung NLS<sup>3</sup> với 26 năng lực thành phần. Mỗi năng lực thành phần được mô tả chi tiết, các mô tả này làm rõ những kiến thức, kỹ năng và mức độ đạt được của học sinh tương ứng với mỗi miền năng lực và mỗi năng lực thành phần, đảm bảo có thể đo lường được<sup>4</sup>.

### 2. Hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng công dân số

#### 2.1. *Dạy học môn Tin học Chương trình GDPT 2018*

Môn Tin học là môn học bắt buộc trong Chương trình GDPT 2018. Chương trình được thiết kế nhằm thực hiện vai trò chủ đạo trong việc giáo dục hình thành và phát triển năng lực Tin học với năm thành phần năng lực<sup>5</sup> thông qua bảy chủ đề nội dung<sup>6</sup> và ba mạch kiến thức hòa quyện<sup>7</sup>.

Với năm thành phần năng lực, bảy chủ đề nội dung và ba mạch kiến thức hòa quyện đáp ứng 7 miền năng lực của Khung NLS; Chương trình GDPT 2018 môn Tin học có cấu trúc, nội dung đáp ứng Khung NLS. Việc thực hiện dạy học môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 là một hình thức thực hiện GD-KNCDS. Đây là hình thức chủ đạo, cơ bản trong các hình thức GD-KNCDS cho học sinh Tiểu học.

#### 2.2. *Tích hợp GD-KNCDS trong dạy học các môn học, hoạt động giáo dục*

Trong các môn học, hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) thuộc Chương trình GDPT 2018 đều hàm chứa những nội dung, cơ hội để hình thành và phát triển năng lực Tin học nói và thực hiện GD-KNCDS cho học sinh. Do đó việc tích hợp nội dung GD-KNCDS vào quá trình dạy học các môn học là một giải pháp khả thi và hiệu quả để thực hiện GD-KNCDS cho học sinh cấp Tiểu học.

<sup>3</sup> 1. Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số; 2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu; 3. Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; 4. Sáng tạo sản phẩm số; 5. An toàn kỹ thuật số; 6. Giải quyết vấn đề; 7. Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan (Khung NLS – Viện KHGD Việt Nam – Bộ GDĐT).

<sup>4</sup> Tài liệu Tập huấn triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp Tiểu học.

<sup>5</sup> NLa: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; NLb: Ứng xử phù hợp trong môi trường số; NLc: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông; NLd: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học; NLe: Hợp tác trong môi trường số (CTr GDPT 2018 – môn Tin học).

<sup>6</sup> Chủ đề A. Máy tính và xã hội tri thức; Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet; Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin; Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số; Chủ đề E. Ứng dụng tin học; Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính; Chủ đề G. Hướng nghiệp với tin học (CTr GDPT 2018 – môn Tin học).

<sup>7</sup> Học vấn số hóa phổ thông (Digital Literacy, viết tắt: DL); Công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communication Technology, viết tắt: ICT) và Khoa học máy tính (Computer Science, viết tắt: CS) (CTr GDPT 2018 – môn Tin học).

Trong dạy học tích hợp GD-KNCDS, người giáo viên có nhiệm vụ nghiên cứu Chương trình môn học, thực hiện tham chiếu Chương trình môn học với Khung NLS để xây dựng kế hoạch dạy học môn học trong đó xác định rõ địa chỉ, nội dung, hình thức tích hợp GD-KNCDS; xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học đồng thời tích hợp nội dung GD-KNCDS một cách hiệu quả nhằm phát triển một hay nhiều năng lực thành phần thuộc một hay nhiều miền năng lực của Khung NLS. GD-KNCDS tích hợp trong dạy học các môn học ở cấp tiểu học chú trọng cả hình thức tích hợp nội môn và liên môn. Việc thiết kế và tổ chức dạy học bài học tích hợp nội dung GD-KNCDS có thể sử dụng hình thức bài học STEM theo một trong hai tiến trình thiết kế kỹ thuật hay nghiên cứu khoa học.

### **2.3. Dạy học tăng cường GD-KNCDS**

Dạy học tăng cường nội dung GD-KNCDS là thực hiện bổ sung, tăng cường nội dung và thời lượng GD-KNCDS trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Trong đó, tăng cường nội dung GD-KNCDS cho học sinh lớp 1, lớp 2 để thực hiện “*hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số*” đồng thời làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, lớp 4, lớp 5. Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5 tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức, miền năng lực nhằm củng cố, khắc sâu Chương trình GDPT môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, khám phá, đào sâu, mở rộng kiến thức môn Tin học, phát triển năng lực Tin học đáp ứng Khung NLS.

Dạy học tăng cường nội dung GD-KNCDS thường được tổ chức theo bài học/tiết học trên quy mô, phạm vi lớp học của cơ sở giáo dục, có thể dạy trải đều theo số tiết/tuần (1 - 2 tiết/tuần) hoặc thành các chủ đề theo từng giai đoạn trong năm học. Căn cứ Khung NLS và điều kiện thực tiễn, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch tăng cường GD-KNCDS với nội dung và thời lượng phù hợp.

### **2.4. Tổ chức câu lạc bộ GD-KNCDS**

Câu lạc bộ GD-KNCDS được tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, của các học sinh có năng khiếu, sở trường, sở thích. Nội dung GD-KNCDS cho mỗi câu lạc bộ thường là các chủ đề, mô đun, mạch nội dung kiến thức thuộc/đáp ứng một hay một số miền năng lực thuộc Khung NLS.

Căn cứ điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục và nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, cơ sở giáo dục lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức các câu lạc bộ phù hợp xây dựng kế hoạch, chương trình câu lạc bộ nhằm tạo các sân chơi sáng tạo giúp học sinh huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng từ nhiều lĩnh vực (môn học, chủ đề nội dung); phát huy năng khiếu, sở trường; phát triển năng lực, phẩm chất đáp ứng Khung NLS.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về vai trò của GD-KNCDS trong

hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo Chương trình GDPT 2018 để tạo sự đồng thuận, huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả GD-KNCDS theo Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện GD-KNCDS cấp tiểu học tại địa phương phù hợp với điều kiện thực tiễn để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình GDPT cấp Tiểu học. Xây dựng kế hoạch, lộ trình; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn; chuẩn bị các điều kiện để triển khai đại trà GD-KNCDS tại địa phương từ năm học 2025 – 2026.

Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm điều kiện thực hiện GD-KNCDS trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương theo quy định.

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học thực hiện GD-KNCDS bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương; tổ chức thực hiện GD-KNCDS trong các cơ sở giáo dục bằng các hình thức phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cơ sở giáo dục.

Trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương có thể tham khảo nguồn học liệu gồm: tài liệu tập huấn CBQL, giáo viên; các chủ đề/bài học GD-KNCDS cấp tiểu học do các chuyên gia và giáo viên xây dựng đã được Bộ GDĐT đưa lên địa chỉ website <https://congdansotieuhoc.edu.vn/thu-vien-tai-lieu> để tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên tham khảo, sử dụng trong quá trình thực hiện.

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác triển khai GD-KNCDS trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Bộ GDĐT.

## **2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền; tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm điều kiện thực hiện GD-KNCDS; xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện GD-KNCDS tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ các trường tiểu học tham gia triển khai thực hiện GD-KNCDS:

a) Tiếp tục tăng cường điều kiện về đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, bảo đảm về cơ cấu, trình độ chuyên môn đặc biệt là đội ngũ giáo viên Tin học và các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm thực hiện dạy học môn Tin học và triển khai GD-KNCDS đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018.

b) Đưa nội dung GD-KNCDS vào kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường (đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,...) và thực tế của địa phương.

c) Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học tích hợp GD-KNCDS, thực hiện ở tất cả các môn học, các khối lớp. Xây dựng kế hoạch thực hiện GD-KNCDS

bằng các hình thức *Day học tăng cường* hoặc/và *Câu lạc bộ* cho các khối lớp phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

d) Huy động các nguồn lực hợp pháp, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định để thực hiện tổ chức GD-KNCDS.

Chỉ đạo, hướng dẫn các CSGD tổ chức sinh hoạt chuyên môn, phân tích, thảo luận, rút kinh nghiệm thường xuyên và xây dựng báo cáo tổng hợp những thuận lợi, khó khăn, những giải pháp và những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai vào cuối mỗi học kì; tổng hợp báo cáo của các cơ sở giáo dục về các nội dung liên quan và báo cáo Sở GDĐT trong quá trình thực hiện.

### 3. Đối với các cơ sở giáo dục

Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về vai trò của GD-KNCDS trong hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo Chương trình GDPT 2018 để tạo sự đồng thuận, huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả GD-KNCDS theo Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện GD-KNCDS theo chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về GD-KNCDS cho CBQL, giáo viên; đẩy mạnh tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề về thực hiện GD-KNCDS để nâng cao chất lượng đội ngũ thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.


Kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc xây dựng và thực hiện kế hoạch; kịp thời phát hiện khó khăn và có các biện pháp xử lý phù hợp, linh hoạt; tổng hợp ý kiến của các tổ chuyên môn và báo cáo Phòng GDĐT.

Bộ GDĐT yêu cầu các Sở GDĐT chỉ đạo Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc hướng dẫn này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GDĐT khi kết thúc năm học. Trong quá trình triển khai, nếu có những vấn đề vướng mắc, đề nghị các Sở GDĐT phản ánh về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Tiểu học) để kịp thời giải quyết./

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h c/đ);
- Các Cục, Vụ, Viện KHGDVN (để t/h);
- Lưu: VT, Vụ GDTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học**

Thực hiện *Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25/01/2022 Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"* về nội dung "Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số" và *Quyết định số: 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 Ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch *Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học* như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo.

Tăng cường giáo dục kỹ năng công dân số vào chương trình giảng dạy cấp tiểu học thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục tiểu học và mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và giáo viên về việc tổ chức, quản lý, xây dựng và thực hiện nội dung, phương pháp, các hình thức tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số đối với cấp Tiểu học.

##### **2. Yêu cầu**

Tổ chức thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng công dân số theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Việc tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học bảo đảm nguyên tắc khoa học, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả.

#### **II. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI**

##### **1. Biên soạn tài liệu tập huấn**

Vụ Giáo dục Tiểu học chủ trì, phối hợp với các chuyên gia (Tổng chủ biên, Chủ biên chương trình, giảng viên các trường Đại học sư phạm) am hiểu về giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học biên soạn tài liệu tập huấn.

Tài liệu tập huấn bao gồm:

- Chương trình tập huấn: thời gian, thời lượng; kế hoạch tập huấn, dự kiến các hoạt động và sản phẩm.

- Nội dung tập huấn: trang bị cho CBQL, giáo viên cấp tiểu học năng lực xác định nội dung, lựa chọn hình thức, phương pháp giảng dạy phù hợp và xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học phù hợp với chương trình, kế hoạch giáo dục nhà trường.

Thời gian thực hiện: Quý I, năm 2023

## **2. Tập huấn, triển khai thí điểm**

Lựa chọn 10 tỉnh/TP trực thuộc trung ương (tỉnh), mỗi tỉnh chọn cử 15 người là cán bộ các cấp quản lý giáo dục tại địa phương (sở GDĐT, phòng GDĐT), cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục tiểu học thực hiện chương trình giáo dục tiểu học (CSGD), giáo viên được phân công phụ trách môn Tin học đang trực tiếp giảng dạy tại các CSGD tiểu học có năng lực chuyên môn tốt.

Tổ chức 03 lớp tập huấn cho 03 miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

Thời gian thực hiện: Quý II, năm 2023

## **3. Hoàn thiện tài liệu, xây dựng và ban hành công văn hướng dẫn**

Sau khi tổ chức tập huấn, triển khai thí điểm tổ chức rà soát, hoàn thiện tài liệu, chương trình, kế hoạch tập huấn. Xây dựng ban hành công văn hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học.

Thời gian thực hiện: tháng 7 năm 2023

## **4. Triển khai nhân rộng**

Các địa phương thực hiện tổ chức tập huấn, triển khai hướng dẫn nhân rộng thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học. Sau khi ban hành công văn hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, hỗ trợ địa phương thực hiện. Hằng năm có kế hoạch đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp kịp thời.

Bộ GDĐT tổ chức kiểm tra, giám sát, hỗ trợ địa phương triển khai đúng định hướng, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

## **5. Tiến độ thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian (dự kiến)</b>	<b>Các đơn vị tham gia thực hiện</b>	<b>Sản phẩm</b>
<b>I</b>	<b>Biên soạn tài liệu tập huấn</b>			
	Biên soạn tài liệu, chương trình tập huấn.	Tháng 1- 3/2023	Vụ GDTH, các chuyên gia thuộc các Trường ĐHSP và các đơn vị liên quan	Tài liệu và Chương trình tập huấn.
<b>II</b>	<b>Tập huấn, triển khai thí điểm</b>			

	Tập huấn thi điểm cho 10 sở GDĐT.	Tháng 4 - 6/2023	Vụ GDTH, các chuyên gia thuộc các Trường ĐHSP và các đơn vị liên quan và 10 Sở GDĐT	Các trường tham gia thi điểm xác định nội dung, lựa chọn hình thức, phương pháp giảng dạy và xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường.
<b>III Hoàn thiện tài liệu, xây dựng và ban hành công văn hướng dẫn</b>				
1	Tổ chức rà soát, hoàn thiện tài liệu, chương trình, kế hoạch tập huấn.	Tháng 7/2023	Vụ GDTH, các chuyên gia thuộc các Trường ĐHSP và các đơn vị liên quan và 10 Sở GDĐT.	Tài liệu tập huấn được hoàn thiện.
2	Xây dựng ban hành công văn hướng dẫn triển khai.	Tháng 8/2023	Vụ GDTH, các chuyên gia thuộc các Trường ĐHSP và các đơn vị liên quan	Dự thảo Công văn hướng dẫn được hoàn thiện.
3	Trình Lãnh đạo Bộ kí ban hành Công văn hướng dẫn	Tháng 9/2023	Vụ GDTH và các đơn vị liên quan	Công văn hướng dẫn triển khai cấp Tiểu học được ban hành.
<b>IV Triển khai nhân rộng</b>				
1	Các địa phương tổ chức tập huấn, triển khai nhân rộng	Tháng 10/2023	Vụ GDTH, các sở GDĐT, các chuyên gia thuộc các Trường ĐHSP và các đơn vị liên quan.	Hoạt động giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học được triển khai nhân rộng.
2	Tổ chức kiểm tra, hỗ trợ địa phương thực hiện	Hằng năm	Vụ GDTH, các sở GDĐT, các chuyên gia thuộc các Trường ĐHSP và các đơn vị liên quan.	

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Giáo dục Tiểu học chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu ban hành các văn bản, tổ chức thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ: Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu nguồn kinh phí, phương án bố trí kinh phí, thẩm định kinh phí, lập dự toán, quyết toán kinh phí cho các hoạt động triển khai giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học theo quy định.

3. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, các Trường Đại học Sư phạm phối hợp

tham gia các hoạt động triển khai giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và đúng tiến độ.

#### **IV. KINH PHÍ**

Kinh phí tổ chức các hoạt động triển khai kỹ năng công dân số cấp Tiểu học được sử dụng từ nguồn ngân sách Nhà nước và nguồn kinh phí xã hội hóa. Nội dung, định mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện kỹ năng công dân số cấp Tiểu học. Yêu cầu Vụ Giáo dục Tiểu học, Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và Kế hoạch này để triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (để t/h);
- Văn phòng Bộ (để t/h);
- Viện KHGDVN, các trường ĐHSP (để t/h);
- Các Sở GDĐT (để t/h);
- Lưu: VT, Vụ GDTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Độ**



## **KẾ HOẠCH**

### **Tập huấn triển khai thi điểm giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học**

Thực hiện Quyết định số 145/QĐ-BGDĐT ngày 10/01/2024 Ban hành các nhóm nhiệm vụ trọng tâm và Danh mục kế hoạch nhiệm vụ năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch Tập huấn triển khai thi điểm giáo dục kỹ năng công dân số (GDKNCDS) cấp Tiểu học với các nội dung cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

Tập huấn cho cán bộ quản lý (CBQL) giáo dục và giáo viên cốt cán (GVCC) tại các cơ sở giáo dục của các tỉnh, thành phố được chọn tham gia thi điểm gồm: Bắc Giang, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Nội, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Bến Tre, Cần Thơ, và Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDKNCDS trong thực hiện Chương trình GDPT 2018 cấp Tiểu học.

##### **2. Yêu cầu**

Nội dung tập huấn bám sát Tài liệu triển khai thi điểm GDKNCDS cấp Tiểu học của Bộ GDĐT bảo đảm đáp ứng yêu cầu, phù hợp với tâm sinh lý, sự phát triển của từng đối tượng, lứa tuổi học sinh Tiểu học.

Sau tập huấn CBQL, GVCC, các cơ sở giáo dục tham gia thi điểm có đủ năng lực triển khai xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện GDKNCDS cấp Tiểu học phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và điều kiện cụ thể của đơn vị.

#### **II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI**

##### **1. Biên soạn kế hoạch bài giảng tập huấn (nội dung tập huấn)**

Tổ chức biên soạn kế hoạch bài giảng cho tập huấn, gồm:

- Bài giảng những vấn đề chung về GDKNCDS.
- Bài giảng thực hiện GDKNCDS trong dạy học các môn học thực hiện Chương trình GDPT 2018.
- Bài giảng dạy học tăng cường nội dung GDKNCDS cấp Tiểu học.
- Bài giảng tổ chức hoạt động GDKNCDS, câu lạc bộ GDKNCDS ở cấp Tiểu học.

(Số lượng bài giảng, thời lượng cho mỗi bài giảng theo kịch bản tập huấn).

## **2. Tập huấn**

### **2.1. Phạm vi tập huấn triển khai thí điểm**

Tập huấn và triển khai thí điểm cho mười tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

### **2.2. Đối tượng tập huấn**

Tập huấn triển khai cho CBQL và giáo viên Tiểu học trực tiếp chỉ đạo và thực hiện Chương trình GDPT 2018, bao gồm:

- CBQL tại các cơ quan quản lý giáo dục tại địa phương, các CSGD tham gia thí điểm GDKNCDS.

- Giáo viên Tiểu học (dạy nhiều môn) dạy học các môn học thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Giáo viên Tin học cấp Tiểu học.

### **2.3. Số lượng, địa điểm**

Tập huấn cho khoảng 360 đại biểu tại 02 miền

- Miền Bắc cho các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Lạng Sơn, Lào Cai.

- Miền Nam cho các tỉnh: Bến Tre, Cần Thơ, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

### **2.4. Hình thức tập huấn**

Căn cứ vào điều kiện cụ thể sẽ tổ chức tập huấn trực tiếp hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Vụ Giáo dục Tiểu học chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức xây dựng các Kế hoạch bài giảng phục vụ các lớp tập huấn theo kịch bản tập huấn.

- Tổ chức các Hội thảo tập huấn đúng quy mô, số lượng, thành phần bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ triển khai thực hiện thí điểm GDKNCDS tại các địa phương.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp, hướng dẫn các đơn vị lập và thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ, tham mưu lãnh đạo Bộ phê duyệt kinh phí. Hướng dẫn các đơn vị sử dụng nguồn tài chính được cấp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, tiết kiệm.

3. Các Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia thí điểm chủ trì thực hiện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn và chỉ đạo, tổ chức triển khai thí điểm tại địa phương.

4. Tiến độ thực hiện

TT	Nội dung công việc	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm
1.	Xây dựng kế hoạch bài giảng, chuẩn bị học liệu tập huấn	Tháng 3/2024	Vụ GDTH	Viện KHGDVN Các trường ĐHSP	Kế hoạch được hoàn thiện, học liệu được chuẩn bị đầy đủ
2.	Tổ chức tập huấn	Tháng 4-6/2024	Vụ GDTH	Viện KHGDVN Các trường ĐHSP	Hội thảo tập huấn 2 miền được tổ chức
3.	Hướng dẫn triển khai tại địa phương	Tháng 4-6/2024	Vụ GDTH	Viện KHGDVN Các trường ĐHSP	Văn bản hướng dẫn được ban hành

#### IV. KINH PHÍ

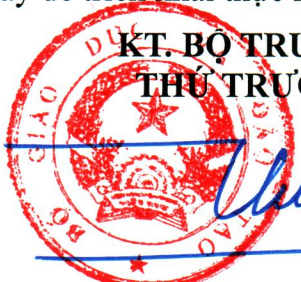
Kinh phí thực hiện *Kế hoạch Tập huấn triển khai thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học* được sử dụng từ nguồn ngân sách Nhà nước, UNICEF và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

Trên đây là *Kế hoạch Tập huấn triển khai thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học*. Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và Kế hoạch này để triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Vụ: GDTH, KHTC (để thực hiện);
- Văn phòng Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ GDTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Phạm Ngọc Thương**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BGDDĐT-GDTH  
V/v triển khai thí điểm giáo dục  
kỹ năng công dân số cấp Tiểu học

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố: Bắc Giang,  
Bắc Ninh, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn,  
Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" về nội dung "...đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp Tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số" và Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025. Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 169/KH-BGDĐT ngày 16/02/2022 về triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp Tiểu học. Trong đó, triển khai thí điểm giai đoạn một tại các tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT tham gia thí điểm thực hiện một số nội dung sau:

1. Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng việc phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng; hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số từ cấp Tiểu học. Đây là việc mới, lần đầu thực hiện nên cần chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng. Quá trình thực hiện bám sát kế hoạch, kịch bản của Bộ GDĐT và chủ động, linh hoạt triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các trường được chọn thí điểm; quá trình thí điểm vừa thực hiện tốt tại đơn vị mình, vừa rút ra bài học kinh nghiệm để tham mưu cho các cấp tiếp tục nhân rộng trong thời gian tới.

2. Xây dựng kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số (KNCDS) cấp Tiểu học tại địa phương; tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất (CSVN) để bảo đảm thực hiện giáo dục KNCDS trong các cơ sở giáo dục Tiểu học trên địa bàn; tăng cường giáo dục KNCDS trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (GDPT 2018).

3. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 169/KH-BGDĐT ngày 16/02/2022 của Bộ GDĐT về triển khai thực hiện thí điểm giáo dục KNCDS ở cấp Tiểu học trên địa bàn, cụ thể như sau:

3.1. Mỗi sở GDĐT lựa chọn ít nhất 05 phòng GDĐT, mỗi phòng GDĐT chọn ít nhất 02 trường Tiểu học tham gia thí điểm. Các trường được lựa chọn cần đảm bảo có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và cơ cấu theo yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; đã triển khai thực hiện giáo dục Tin học theo Chương trình GDPT 2006 và Chương trình GDPT 2018. Lập danh sách các phòng GDĐT, trường tiểu học tham gia thí điểm theo Phụ lục đính kèm gửi về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Tiểu học) trước ngày 25/01/2024.

3.2. Chọn cử cán bộ, giáo viên đủ số lượng, đúng thành phần tham gia các khóa tập huấn cốt cán về giáo dục KNCDS của Bộ GDĐT bảo đảm nghiêm túc, chất lượng. Phát huy hiệu quả đội ngũ cốt cán trong quá trình triển khai giáo dục KNCDS tại địa phương.

3.3. Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, hỗ trợ các phòng GDĐT, các trường Tiểu học tham gia thí điểm xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện giáo dục KNCDS đảm bảo tiến độ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương; hướng dẫn các cơ sở giáo dục Tiểu học tham gia thí điểm đưa nội dung giáo dục KNCDS vào kế hoạch giáo dục nhà trường; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn về nội dung giáo dục KNCDS ở cấp Tiểu học.

3.4. Chỉ đạo, hướng dẫn các phòng GDĐT tham gia thí điểm xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện trên địa bàn; tham mưu UBND huyện có phương án bố trí nguồn kinh phí, trang bị CSVC để bảo đảm thực hiện giáo dục KNCDS theo quy định; tăng cường công tác tuyên truyền để tạo sự đồng thuận, huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục KNCDS trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý.

3.5. Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm để chuẩn bị cho triển khai nhân rộng, đại trà; định kỳ báo cáo Bộ GDĐT theo học kì, năm học hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương có thể sử dụng nguồn học liệu gồm: tài liệu tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên; các chủ đề/bài học giáo dục kỹ năng công dân số cấp Tiểu học do các chuyên gia và giáo viên xây dựng đã được Bộ GDĐT đưa lên địa chỉ website <https://congdansotieuhoc.edu.vn> để tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên sử dụng trong quá trình thực hiện.

Bộ GDĐT yêu cầu các Sở GDĐT nghiêm túc triển khai thực hiện, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc cần báo cáo về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Tiểu học) để được hướng dẫn kịp thời.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố (để p/h c/d);
- Các Thứ trưởng (để p/h c/d);
- Lưu: VT, Vụ GDTH.

**Phạm Ngọc Thuởng**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**PHỤ LỤC**

**Danh sách trường tiểu học tham gia triển khai thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số**  
(Kèm theo Công văn số: 47/BGDDĐT-GDTH ngày 04 tháng 01 năm 2024)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH**

**Trường tiểu học tham gia triển khai thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số**

TT	Tên trường	Địa chỉ		Hiệu trưởng		Ghi chú
		Huyện	Xã	Họ và tên	Điện thoại	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
...						

12

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU  
TẬP HUẤN TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM  
GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ  
THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018  
CẤP TIỂU HỌC**

**(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

*Hà Nội, 2024*



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ.....</b>	<b>1</b>
1.1. Một số thuật ngữ.....	1
1.1.1. Chuyển đổi số.....	1
1.1.2. Chuyển đổi số trong giáo dục.....	1
1.1.3. Năng lực số.....	2
1.1.4. Giáo dục kỹ năng công dân số (GDKNCDS).....	3
1.1.5. Danh tính số.....	4
1.1.6. Dấu chân số.....	4
1.1.7. Khoa học máy tính.....	4
1.1.8. Tư duy máy tính.....	5
1.1.9. An toàn & an ninh mạng.....	5
1.1.10. Phần mềm mã nguồn mở, nền tảng mở.....	5
1.2. Các cơ sở pháp lý.....	5
1.3. Khung năng lực số cho học sinh.....	8
1.3.1. Khung năng lực số cho HS phổ thông.....	8
1.3.2. Mô tả chi tiết năng lực số của học sinh tiểu học.....	12
1.4. GDKNCDS trên thế giới và một số chương trình phổ biến.....	24
1.4.1. Xu hướng GDKNCDS.....	24
1.4.2. Một số chương trình GDKNCDS phổ biến trên thế giới.....	26
1.5. Một số hoạt động giáo dục kỹ năng công dân số tại Việt Nam.....	41
<b>CHƯƠNG 2. GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ Ở TIỂU HỌC ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018.....</b>	<b>43</b>
2.1. Giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tin học.....	43
2.1.1. Tham chiếu chương trình Tin học 2018 với khung năng lực số.....	43
2.1.2. Các nội dung giáo dục kỹ năng công dân số cần bổ sung.....	52
2.2. Giáo dục kỹ năng công dân số trong một số môn học khác.....	63
2.2.1. Tham chiếu chương trình môn Toán 2018 với khung năng lực số.....	63
2.2.2. Tham chiếu chương trình môn Đạo đức 2018 với khung năng lực số.....	66
2.2.3. Tham chiếu chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018 với khung năng lực số.....	68
2.2.4. Tham chiếu chương trình môn Công nghệ với khung năng lực số.....	75
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ Ở CẤP TIỂU HỌC.....</b>	<b>80</b>
3.1. Nguyên tắc xây dựng nội dung.....	80
3.2. Định hướng nội dung dạy học.....	80

*Tài liệu sử dụng cho tập huấn triển khai thí điểm giáo dục KNCDS cấp Tiểu học*

3.3.	Định hướng hình thức tổ chức .....	93
3.3.1.	Đạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018 .....	93
3.3.2.	Giáo dục kỹ năng công dân số tích hợp trong dạy học các môn học ở tiểu học .....	94
3.3.3.	Đạy học tăng cường nội dung giáo dục kỹ năng công dân số.....	94
3.3.4.	Tổ chức câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số .....	94
3.4.	Định hướng phương pháp dạy học .....	95
3.4.1.	Định hướng chung.....	95
3.4.2.	Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	95
3.4.3.	Định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đặc thù.....	96
<b>CHƯƠNG 4. MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI DẠY NỘI DUNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ.....</b>		<b>97</b>
4.1.	Đạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018.....	97
BÀI 1. PHẦN CỨNG VÀ PHẦN MỀM MÁY TÍNH .....		97
BÀI 2. TẠO, ĐỔI TÊN VÀ XÓA THƯ MỤC .....		106
BÀI 3: SỬ DỤNG PHẦN MỀM KHI ĐƯỢC PHÉP .....		113
BÀI 4. THÊM ẢNH VÀO TRANG CHIẾU .....		120
BÀI 5. EM THỰC HIỆN CÔNG VIỆC NHƯ THẾ NÀO?.....		125
4.2.	GDKNCDS tích hợp trong dạy học các môn học ở tiểu học.....	130
BÀI 6 : BIỂU ĐỒ CỘT .....		130
BÀI 7. EM TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC.....		135
BÀI 8. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (T1) .....		141
BÀI 9. SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI.....		150
4.3.	Đạy học tăng cường nội dung giáo dục kỹ năng công dân số .....	154
BÀI 10: CẢM XÚC KHI SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ .....		154
BÀI 11: NHẬN BIẾT MỘT SỐ THIẾT BỊ SỐ VÀ PHẦN MỀM GIÚP TƯƠNG TÁC TRỰC TUYẾN.....		159
BÀI 12: DI CHUYỂN (LỚP 1).....		166
BÀI 13: ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA THÔNG TIN .....		170
BÀI 14: ỨNG XỬ TRỰC TUYẾN, EM LÀ NGƯỜI GIAO TIẾP TỐT .....		177
4.4.	Tổ chức câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số .....	183
BÀI 15: NHÀ TÓ Ở ĐÂU NHỈ .....		183
BÀI 16: ROVER KHÁM PHÁ SAO HỎA.....		191
BÀI 17: GIẢI TRÍ VĂN MINH CÙNG THIẾT BỊ SỐ.....		206
BÀI 18: THIẾT LẬP MẶT KHẨU AN TOÀN .....		213



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

# **TẬP HUẤN**

**TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ  
THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018  
CẤP TIỂU HỌC**

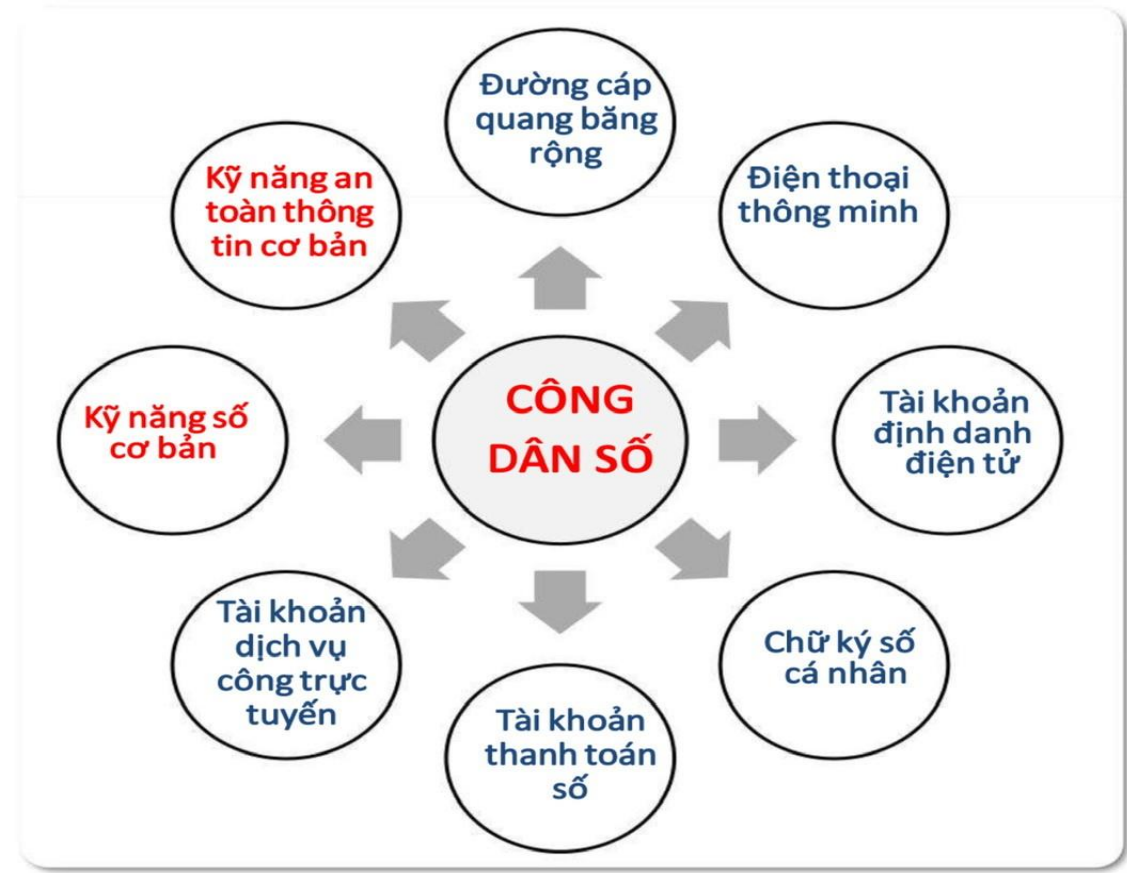
# BỐI CẢNH – CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Việt Nam có một lợi thế lớn về sự phổ biến của các thiết bị thông minh và mạng Internet. Theo thống kê, lượng người sử dụng Internet năm 2020 đạt 68,17 triệu người, chiếm 71% dân số; mạng mạng xã hội có tới 65 triệu người dùng, chiếm 67% dân số; trung bình mỗi người dân Việt Nam tham gia không gian mạng 6 tiếng 23 phút mỗi ngày. Đây là lợi thế điều kiện ban đầu giúp Việt Nam tiếp cận GD 4.0 nhanh hơn rất cần có giải pháp hành động đúng và trọng tâm trong thời gian tới.

2. Việt Nam hiện có khoảng 24,7 triệu trẻ em, chiếm gần 25% dân số, trong đó 2/3 các em có thể tiếp cận thiết bị kết nối Internet; 82% trẻ em trong độ tuổi 7-13 tuổi đã sử dụng Internet; tăng lên 93% đối với trẻ từ 14-15 tuổi. Thực tế này cho thấy, không gian mạng, môi trường số đang có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển của trẻ em rất cần có sự giáo dục, định hướng và quản lý hiệu quả.

3. Trẻ em Việt Nam được trang bị điện thoại sớm hơn trẻ trên thế giới 4 năm, độ tuổi trung bình sở hữu điện thoại là 9, còn trên thế giới là 13. Có thể nói 4 năm này trẻ em Việt Nam tương tác trên môi trường mạng trong khi chưa có kiến thức, kỹ năng về an toàn mạng là một trong những thách thức dẫn đến rủi ro trên môi trường mạng của trẻ ngày càng gia tăng.. dễ mắc những cám dỗ mạng mang lại ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm sinh lý cũng như sức khỏe của các em.

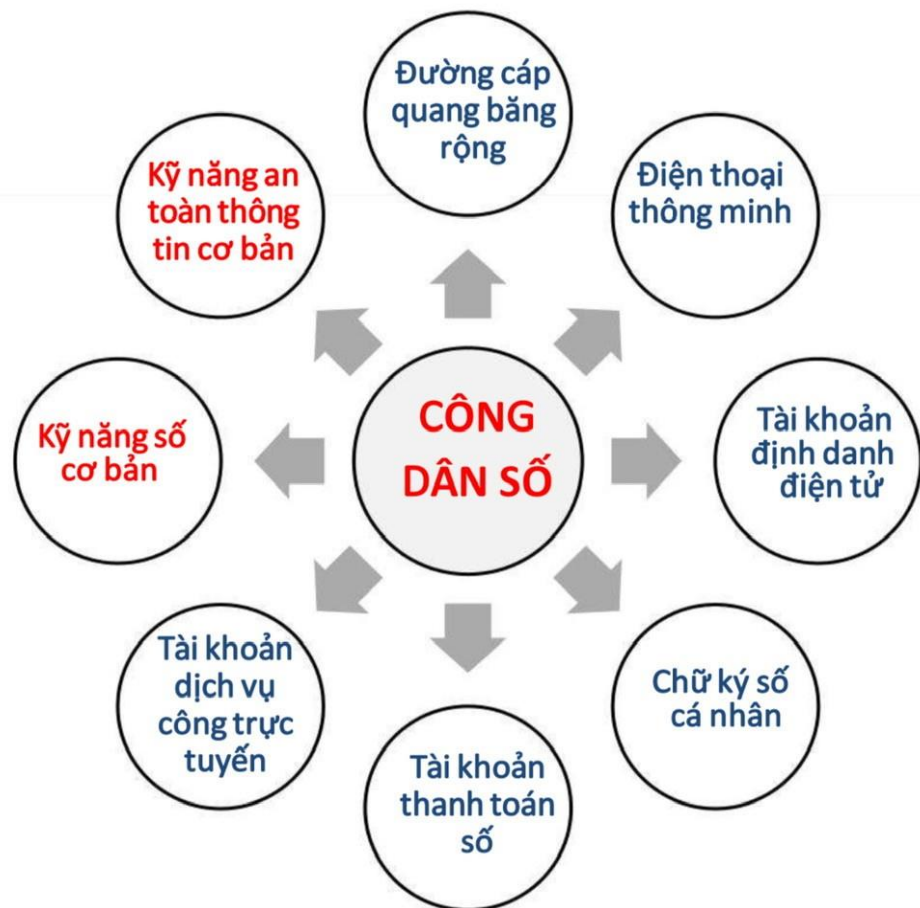
## XÃ HỘI SỐ



Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

# BỐI CẢNH – CĂN CỨ PHÁP LÝ

## XÃ HỘI SỐ

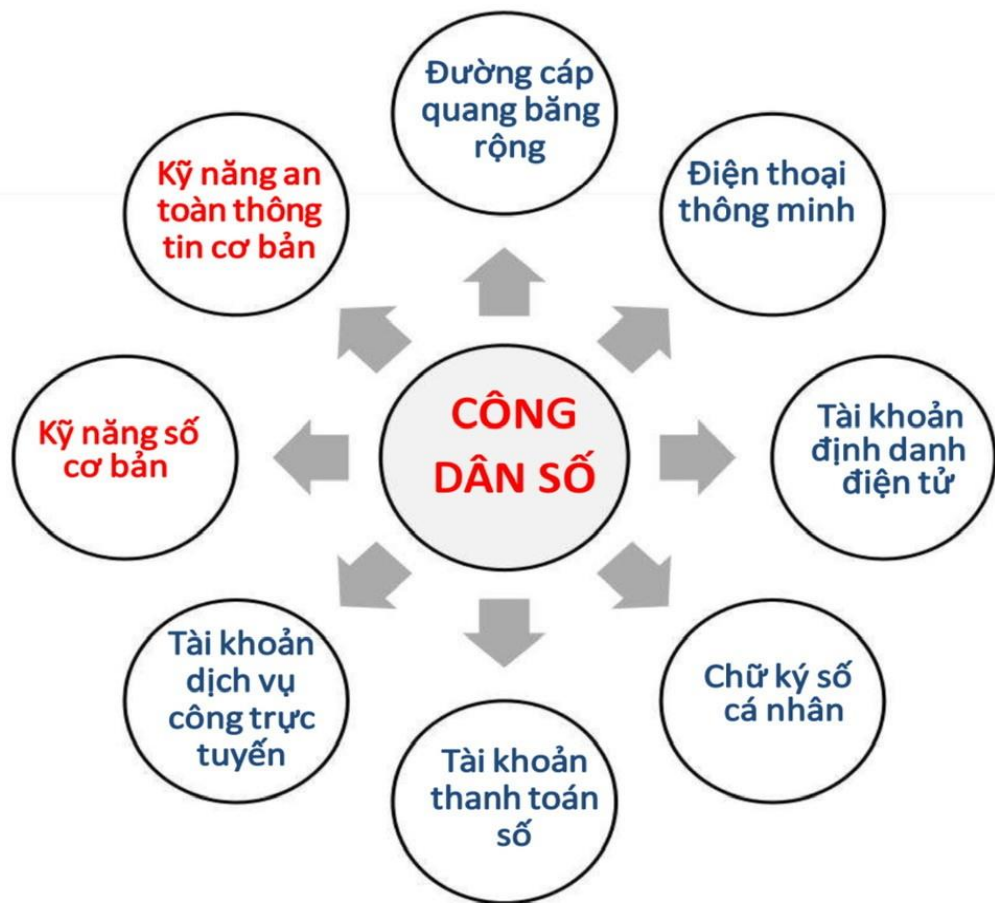


Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số

1. Quyết định số 749/QĐ-TTg 03/6/2020 “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó: Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.
2. Quyết định số 131/QĐ-TTg 25/01/2022 Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”... đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.
3. Quyết định số 146/QĐ-TTg 28/01/2022 Phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Đến năm 2025: 50% CSGD các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức hoạt động giáo dục STEM/TEAM và kỹ năng số.
4. Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 phê duyệt Chương trình "Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025" Mục tiêu: 100% các trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em định kỳ tổ chức chương trình truyền thông, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em tham gia môi trường mạng.
5. Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT 10/5/2022 Ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: ... đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng vào chương trình giảng dạy cấp tiểu học để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số. - .... đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng vào chương trình giảng dạy cấp tiểu học. - Phần đầu đến năm 2025 có 50% cơ sở giáo dục cấp tiểu học triển khai mô hình giáo dục phát triển tư duy lập trình, các chương trình về khoa học máy tính; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng vào chương trình giảng dạy cấp tiểu học.
6. Thông báo kết luận số 1760/TB-BGDĐT ngày 23/10/2023 Kết luận của Bộ trưởng tại cuộc họp Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo Vụ GDTH đã triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ:
  - Chủ trì, phối hợp với Cục CNTT và các đơn vị liên quan hoàn thiện, báo cáo lãnh đạo Bộ phương án triển khai học bạ điện tử (thử nghiệm trong giáo dục tiểu học),
  - Chủ trì tham mưu Lãnh đạo Bộ có chỉ đạo và hướng dẫn về thực hiện kỹ năng số, công dân số và việc dùng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong cơ sở giáo dục.

# BỐI CẢNH – CĂN CỨ PHÁP LÝ

## XÃ HỘI SỐ



Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
MINISTRY OF INFORMATION AND  
COMMUNICATIONS

## KHUNG KỸ NĂNG SỐ CƠ BẢN

dành cho người dân Việt Nam



# BỐI CẢNH – CĂN CỨ PHÁP LÝ

## KHUNG KỸ NĂNG SỐ CƠ BẢN

dành cho người dân Việt Nam

### KHUNG KỸ NĂNG SỐ CƠ BẢN CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM

1. Kỹ năng tìm kiếm,  
đọc, hiểu thông tin  
và dữ liệu trên môi  
trường số  
(Kỹ năng cơ bản)

2. Kỹ năng giao tiếp  
và phối hợp sử  
dụng các công  
nghệ số  
(Kỹ năng cơ bản)

5. Kỹ năng giải quyết  
vấn đề  
(Kỹ năng cơ bản)

Vận hành thiết bị  
và phần mềm  
(Kỹ năng thiết yếu)

3. Kỹ năng sáng tạo  
nội dung số  
(Kỹ năng cơ bản)

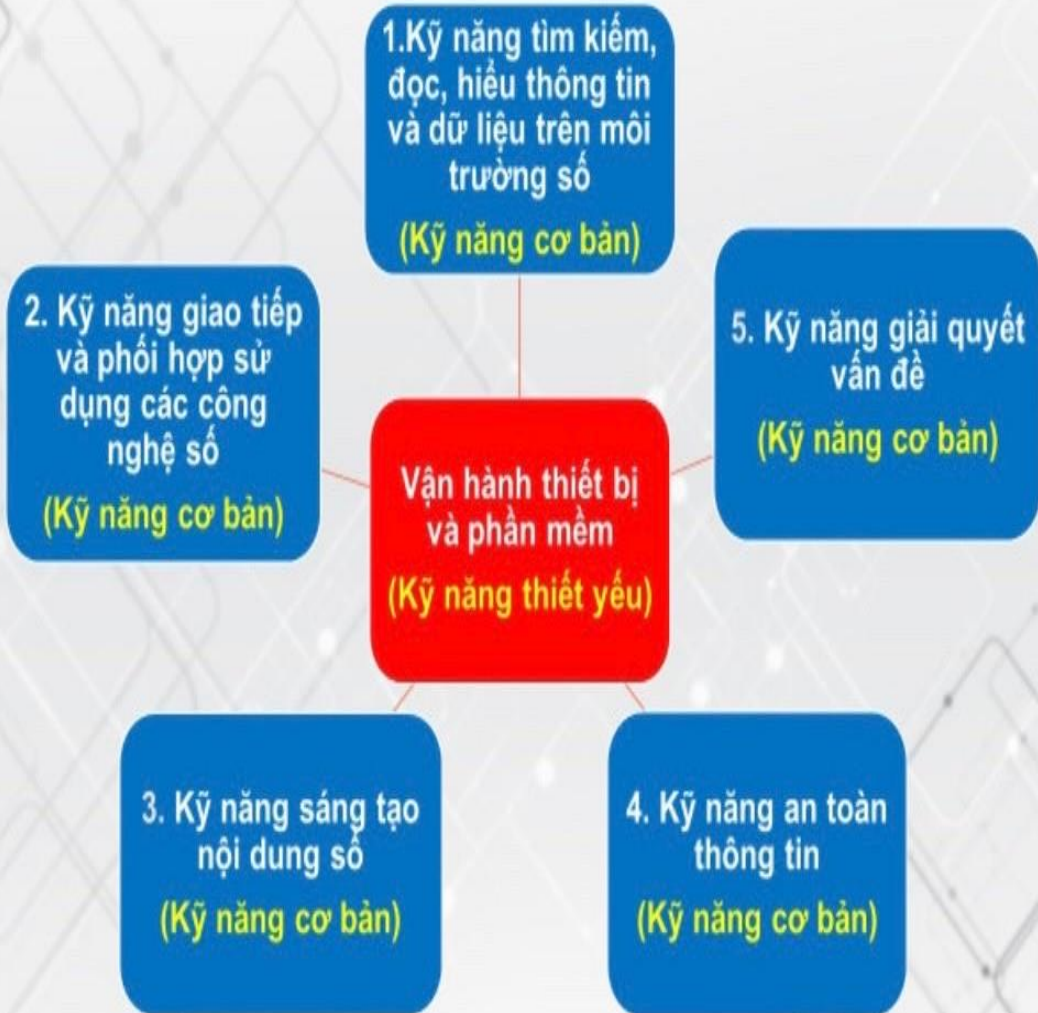
4. Kỹ năng an toàn  
thông tin  
(Kỹ năng cơ bản)

# KHUNG KỸ NĂNG SỐ CƠ BẢN CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM

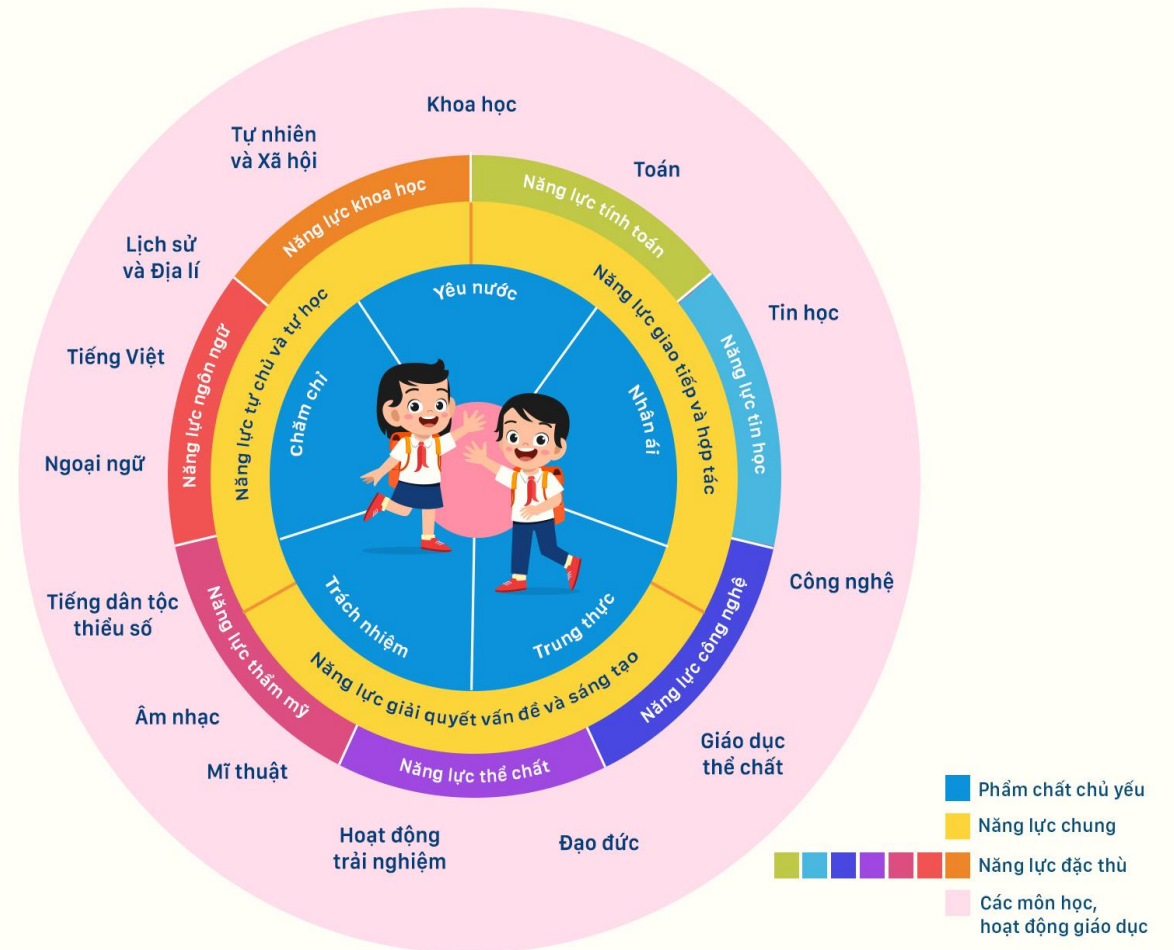


# GIÁO DỤC KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

## KHUNG KỸ NĂNG SỐ CƠ BẢN CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM

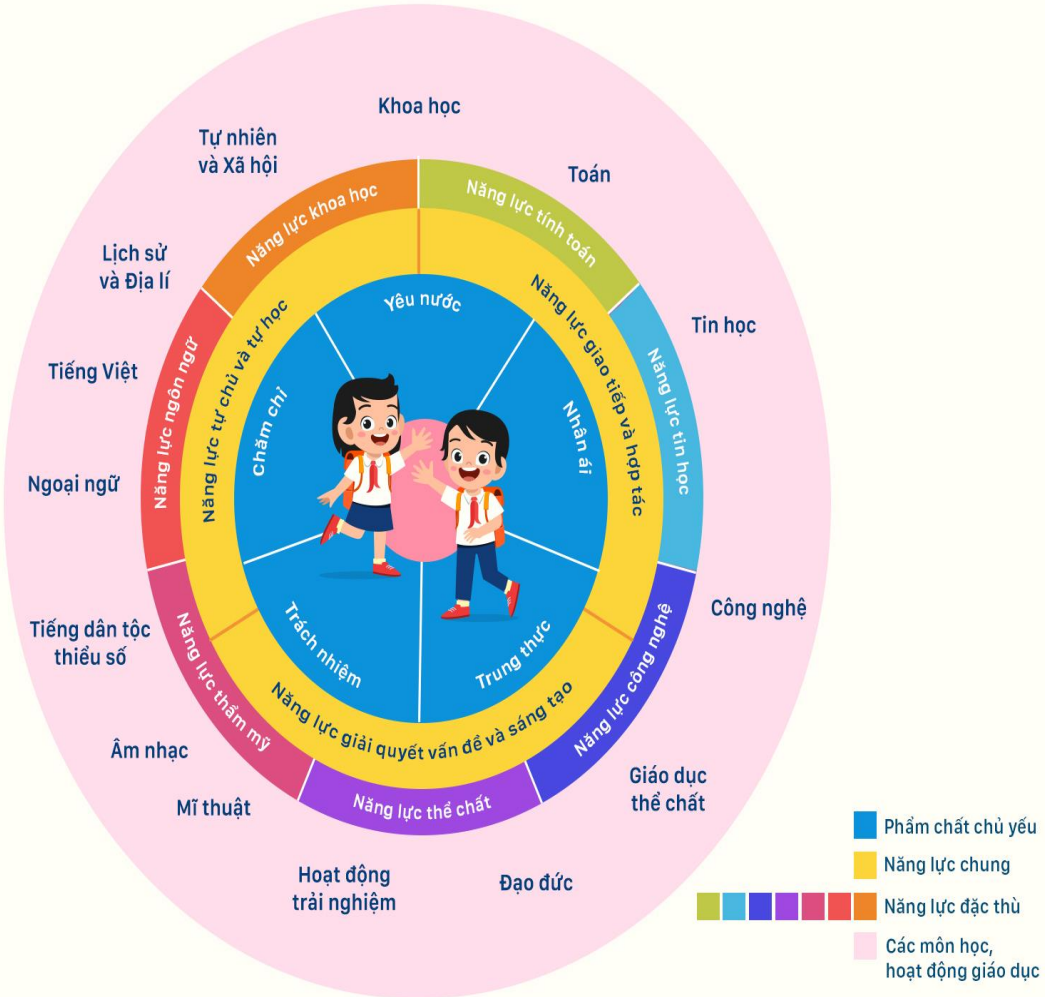


## PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC VÀ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CẤP TIỂU HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI



# GIÁO DỤC KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

## PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC VÀ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CẤP TIỂU HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI



### Các năng lực số cần bổ sung cho học sinh lớp 1, 2

- 1. Sử dụng các thiết bị kĩ thuật số**
  - 1.1. SD thiết bị phần cứng
  - 1.2. SD phần mềm của TBS
- 2. Kĩ năng về thông tin và dữ liệu**
  - 2.1. Duyệt, tìm kiếm, lọc DL, TT và nội dung số
  - 2.2. Đánh giá DL, TT và nội dung số
  - 2.3. Quản lý DL, TT và nội dung số
- 3. Giao tiếp và Hợp tác**
  - 3.1. Tương tác thông qua các TBS
  - 3.2. Chia sẻ thông qua CNS
  - 3.3. Tham gia với tư cách công dân thông qua CNS
  - 3.4. Hợp tác thông qua CNS
  - 3.5. Chuẩn mực trong giao tiếp
  - 3.6. Quản lý định danh cá nhân
- 4. Tạo sản phẩm số**
  - 4.1. Phát triển nội dung số
  - 4.2. Tích hợp và tinh chỉnh nội dung số
  - 4.3. Bản quyền
  - 4.4. Lập trình
- 5. An toàn kĩ thuật số**
  - 5.1. Bảo vệ thiết bị
  - 5.2. Bảo vệ DL cá nhân và quyền riêng tư
  - 5.3. Bảo vệ SK tinh thần và thể chất
  - 5.4. Bảo vệ môi trường
- 6. Giải quyết vấn đề**
  - 6.1. Giải quyết các vấn đề kĩ thuật
  - 6.2. Xác định nhu cầu và phân hồi CN
  - 6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số
  - 6.4. Xác định thiếu hụt về NLS
  - 6.5. Tư duy máy tính
- 7. Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan**
  - 7.1. Vận hành những công nghệ số đặc trưng trong một lĩnh vực đặc thù
  - 7.2. Diễn giải, thảo tác với dữ liệu và nội dung kĩ thuật số cho một lĩnh vực đặc thù

### Các năng lực số cần bổ sung cho học sinh lớp 3, 4, 5

- 2. Kĩ năng về thông tin và dữ liệu**
  - 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc DL, TT và nội dung số
  - 2.2. Đánh giá DL, TT và nội dung số
- 3. Giao tiếp và Hợp tác**
  - 3.1. Tương tác thông qua công nghệ số
  - 3.2. Chia sẻ thông qua công nghệ số
  - 3.3. Tham gia với tư cách công dân thông qua công nghệ số
  - 3.4. Chuẩn mực trong giao tiếp
  - 3.5. Quản lý định danh cá nhân
- 4. Tạo sản phẩm số**
  - 4.1. Phát triển nội dung số
  - 4.2. Tích hợp và tinh chỉnh nội dung số
- 5. An toàn kĩ thuật số**
  - 5.1. Bảo vệ thiết bị
  - 5.2. Bảo vệ DL cá nhân và quyền riêng tư
  - 5.3. Bảo vệ SK tinh thần và thể chất
  - 5.4. Bảo vệ môi trường
- 6. Giải quyết vấn đề**
  - 6.1. Giải quyết các vấn đề kĩ thuật
  - 6.2. Xác định nhu cầu và phân hồi công nghệ
  - 6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số
  - 6.4. Xác định thiếu hụt về NLS
- 7. Năng lực định hướng NN liên quan**
  - 7.1. Vận hành những CNS đặc trưng trong một lĩnh vực đặc thù
  - 7.2. Diễn giải, thảo tác với DL và nội dung KTS cho một lĩnh vực đặc thù

# GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

## Các năng lực số cần bổ sung cho học sinh lớp 1, 2

- 2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu**  
2.1 Duyệt, tìm kiếm, lọc DL, TT và nội dung số  
2.2 Đánh giá DL, TT và nội dung số  
2.3 Quản lý DL, TT và nội dung số

- 4. Tạo sản phẩm số**  
4.1. Phát triển nội dung số  
4.2. Tích hợp và tinh chỉnh nội dung số  
4.3. Bản quyền  
4.4. Lập trình

- 6. Giải quyết vấn đề**  
6.1. Giải quyết các vấn đề kỹ thuật  
6.2. Xác định nhu cầu và phân hồi CN  
6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số  
6.4 Xác định thiếu hụt về NLS  
6.5 Tư duy máy tính

- 1. Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số**  
1.1. SD thiết bị phần cứng  
1.2. SD phần mềm của TBS

- 3. Giao tiếp và Hợp tác**  
3.1 Tương tác thông qua các TBS  
3.2. Chia sẻ thông qua CNS  
3.3 Tham gia với tư cách công dân thông qua CNS  
3.4 Hợp tác thông qua CNS  
3.5 Chuẩn mực trong giao tiếp  
3.6 Quản lý định danh cá nhân

- 5. An toàn kỹ thuật số**  
5.1. Bảo vệ thiết bị  
5.2 Bảo vệ DL cá nhân và quyền riêng tư  
5.3 Bảo vệ SK tinh thần và thể chất  
5.4 Bảo vệ môi trường

- 7. Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan**  
7.1 Vận hành những công nghệ số đặc trưng trong một lĩnh vực đặc thù  
7.2 Diễn giải, thảo tác với dữ liệu và nội dung kỹ thuật số cho một lĩnh vực đặc thù

## Các năng lực số cần bổ sung cho học sinh lớp 3, 4, 5

- 7. Năng lực định hướng NN liên quan**  
7.1 Vận hành những CNS đặc trưng trong một lĩnh vực đặc thù  
7.2 Diễn giải, thảo tác với DL và nội dung KTS cho một lĩnh vực đặc thù

- 6. Giải quyết vấn đề**  
6.2. Xác định nhu cầu và phân hồi công nghệ  
6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số  
6.4 Xác định thiếu hụt về NLS

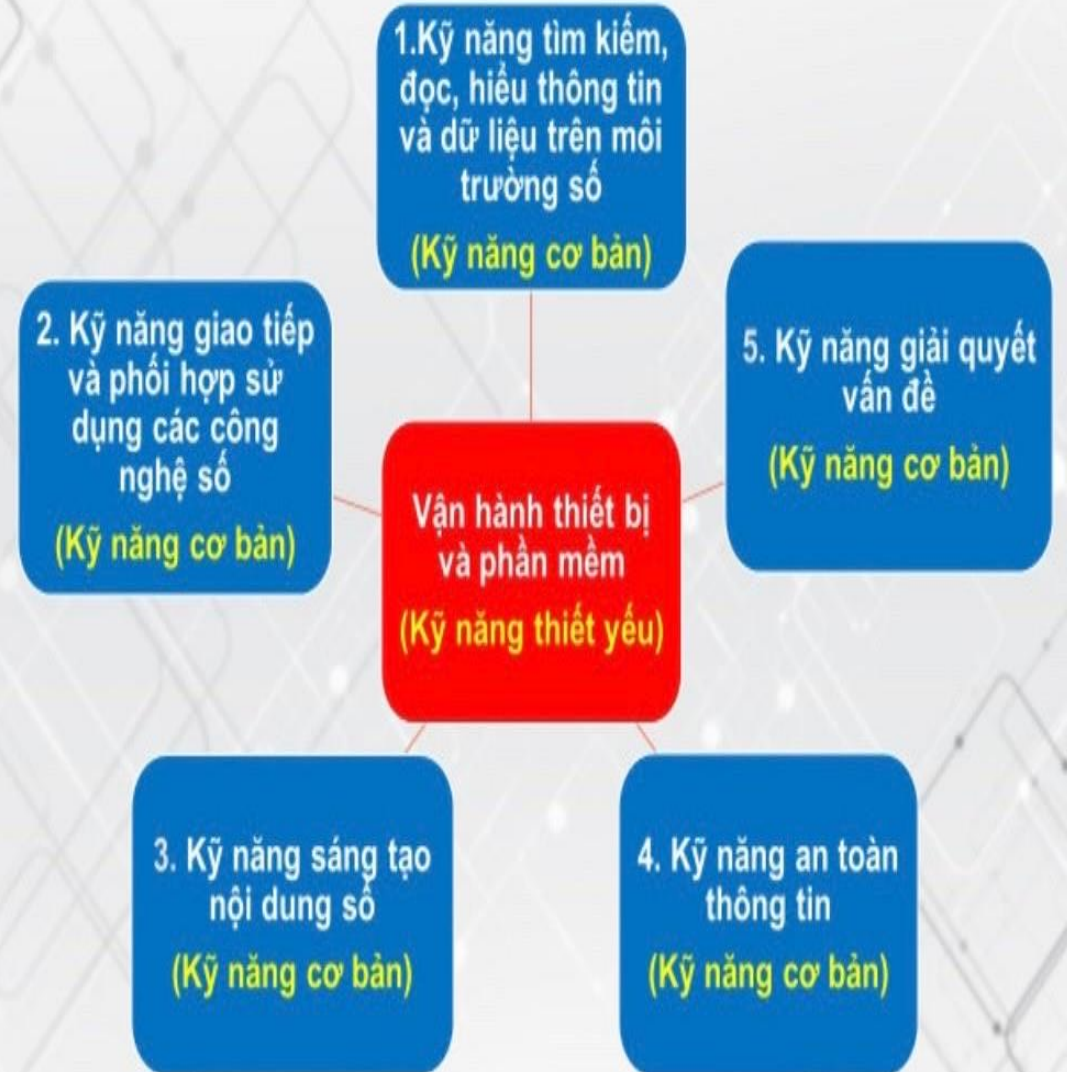
- 5. An toàn kỹ thuật số**  
5.1. Bảo vệ thiết bị  
5.2 Bảo vệ DL cá nhân và quyền riêng tư  
5.3 Bảo vệ SK tinh thần và thể chất  
5.4 Bảo vệ môi trường

- 2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu**  
2.1 Duyệt, tìm kiếm và lọc DL, TT và nội dung số  
2.2 Đánh giá DL, TT và nội dung số

- 3. Giao tiếp và Hợp tác**  
3.2. Chia sẻ thông qua công nghệ số  
3.3 Tham gia với tư cách công dân thông qua công nghệ số  
3.5 Chuẩn mực trong giao tiếp  
3.6 Quản lý định danh cá nhân

- 4. Tạo sản phẩm số**  
4.2. Tích hợp và tinh chỉnh nội dung số

## KHUNG KỸ NĂNG SỐ CƠ BẢN CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM

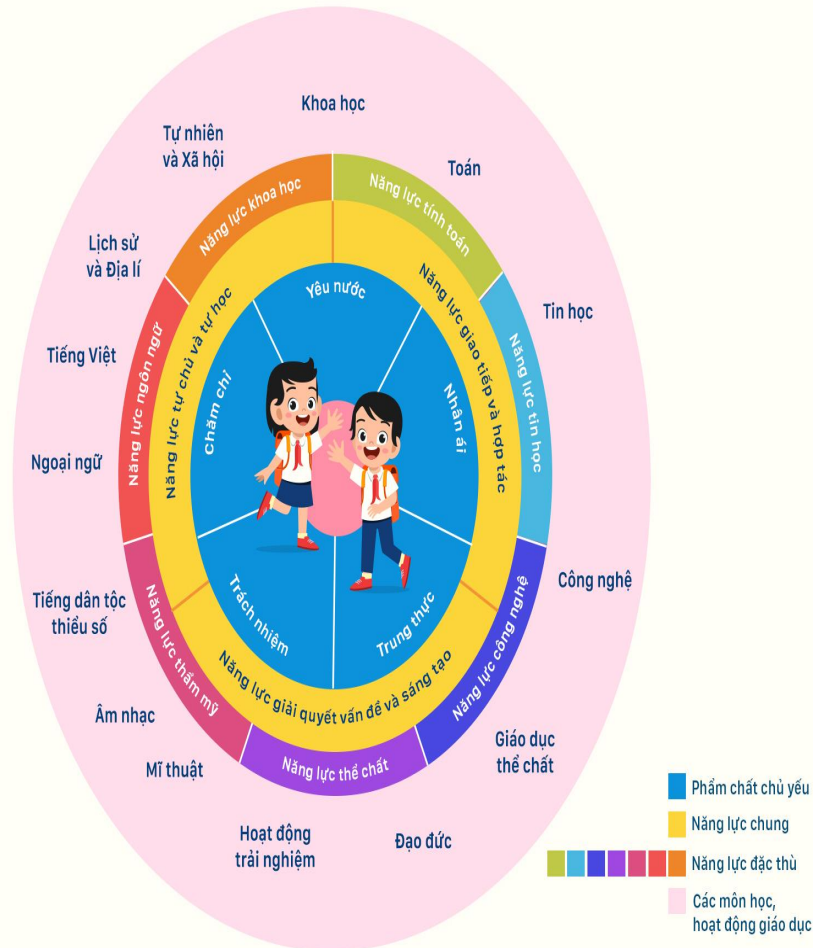


# GIÁO DỤC KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

## KHUNG KỸ NĂNG SỐ CƠ BẢN CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM



## PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC VÀ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CẤP TIỂU HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI



## Các năng lực số cần bổ sung cho học sinh lớp 1, 2

- |  |   |  |
|--|---|--|
| <p>2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu</p> <p>2.1 Duyệt, tìm kiếm, lọc DL, TT và nội dung số</p> <p>2.2 Đánh giá DL, TT và nội dung số</p> <p>2.3 Quản lý DL, TT và nội dung số</p> | <p>4. Tạo sản phẩm số</p> <p>4.1. Phát triển nội dung số</p> <p>4.2. Tích hợp và tinh chỉnh nội dung số</p> <p>4.3. Bản quyền</p> <p>4.4. Lập trình</p> | <p>6. Giải quyết vấn đề</p> <p>6.1. Giải quyết các vấn đề kỹ thuật</p> <p>6.2. Xác định nhu cầu và phân phối CN</p> <p>6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số</p> <p>6.4 Xác định thiếu hụt về NLS</p> <p>6.5 Tư duy máy tính</p> |
|--|---|--|

## Các năng lực số cần bổ sung cho học sinh lớp 3, 4, 5

- |  |   |   |
|--|---|---|
| <p>7. Năng lực định hướng NN liên quan</p> <p>7.1 Vận hành những CNS đặc trưng trong một lĩnh vực đặc thù</p> <p>7.2 Diễn giải, thảo tác với DL và nội dung KTS cho một lĩnh vực đặc thù</p> | <p>2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu</p> <p>2.1 Duyệt, tìm kiếm và lọc DL, TT và nội dung số</p> <p>2.2 Đánh giá DL, TT và nội dung số</p> | <p>3. Giao tiếp và Hợp tác</p> <p>3.2. Chia sẻ thông qua công nghệ số</p> <p>3.3 Tham gia với tư cách công dân thông qua công nghệ số</p> <p>3.5 Chuẩn mực trong giao tiếp</p> <p>3.6 Quản lý định danh cá nhân</p> |
|--|---|---|

# TÀI LIỆU TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

## TÀI LIỆU

### TẬP HUẤN TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TIỂU HỌC

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, 2024

#### MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYÊN ĐỀ SỐ VÀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ.....</b>	<b>1</b>
1.1. Một số thuật ngữ.....	1
1.1.1. Chuyển đổi số.....	1
1.1.2. Chuyển đổi số trong giáo dục.....	1
1.1.3. Năng lực số.....	2
1.1.4. Giáo dục kỹ năng công dân số (GDKNCDS).....	3
1.1.5. Danh tính số.....	4
1.1.6. Dấu chân số.....	4
1.1.7. Khoa học máy tính.....	4
1.1.8. Tư duy máy tính.....	5
1.1.9. An toàn & an ninh mạng.....	5
1.1.10. Phần mềm mã nguồn mở, nền tảng mở.....	5
1.2. Các cơ sở pháp lý.....	5
1.3. Khung năng lực số cho học sinh.....	8
1.3.1. Khung năng lực số cho HS phổ thông.....	8
1.3.2. Mô tả chi tiết năng lực số của học sinh tiểu học.....	12
1.4. GDKNCDS trên thế giới và một số chương trình phổ biến.....	24
1.4.1. Xu hướng GDKNCDS.....	24
1.4.2. Một số chương trình GDKNCDS phổ biến trên thế giới.....	26
1.5. Một số hoạt động giáo dục kỹ năng công dân số tại Việt Nam.....	41
<b>CHƯƠNG 2. GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ Ở TIỂU HỌC ĐÁP ỨNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018.....</b>	<b>43</b>
2.1. Giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tin học.....	43
2.1.1. Tham chiếu chương trình Tin học 2018 với khung năng lực số.....	43
2.1.2. Các nội dung giáo dục kỹ năng công dân số cần bổ sung.....	52
2.2. Giáo dục kỹ năng công dân số trong một số môn học khác.....	63
2.2.1. Tham chiếu chương trình môn Toán 2018 với khung năng lực số.....	63
2.2.2. Tham chiếu chương trình môn Đạo đức 2018 với khung năng lực số.....	66
2.2.3. Tham chiếu chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2018 với khung năng lực số.....	68
2.2.4. Tham chiếu chương trình môn Công nghệ với khung năng lực số.....	75
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ Ở CẤP TIỂU HỌC.....</b>	<b>80</b>
3.1. Nguyên tắc xây dựng nội dung.....	80
3.2. Định hướng nội dung dạy học.....	80

Tài liệu sử dụng cho tập huấn triển khai thí điểm giáo dục KNCS cấp Tiểu học

3.3. Định hướng hình thức tổ chức.....	93
3.3.1. Dạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018.....	93
3.3.2. Giáo dục kỹ năng công dân số tích hợp trong dạy học các môn học ở tiểu học.....	94
3.3.3. Dạy học tăng cường nội dung giáo dục kỹ năng công dân số.....	94
3.3.4. Tổ chức câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số.....	94
3.4. Định hướng phương pháp dạy học.....	95
3.4.1. Định hướng chung.....	95
3.4.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	95
3.4.3. Định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đặc thù.....	96
<b>CHƯƠNG 4. MỘT SỐ KẾ HOẠCH BÀI DẠY NỘI DUNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ.....</b>	<b>97</b>
4.1. Dạy học môn Tin học thực hiện Chương trình GDPT 2018.....	97
BÀI 1. PHẦN CỨNG VÀ PHẦN MỀM MÁY TÍNH.....	97
BÀI 2. TẠO, ĐỔI TÊN VÀ XÓA THƯ MỤC.....	106
BÀI 3: SỬ DỤNG PHẦN MỀM KHI ĐƯỢC PHÉP.....	113
BÀI 4. THÊM ẢNH VÀO TRANG CHIẾU.....	120
BÀI 5. EM THỰC HIỆN CÔNG VIỆC NHƯ THẾ NÀO?.....	125
4.2. GDKNCDS tích hợp trong dạy học các môn học ở tiểu học.....	130
BÀI 6 : BIỂU ĐỒ CỘT.....	130
BÀI 7. EM TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC.....	135
BÀI 8. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP (T1).....	141
BÀI 9. SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI.....	150
4.3. Dạy học tăng cường nội dung giáo dục kỹ năng công dân số.....	154
BÀI 10: CẢM XÚC KHI SỬ DỤNG THIẾT BỊ SỐ.....	154
BÀI 11: NHẬN BIẾT MỘT SỐ THIẾT BỊ SỐ VÀ PHẦN MỀM GIÚP TƯƠNG TÁC TRỰC TUYẾN.....	159
BÀI 12: DI CHUYỂN (LỚP 1).....	166
BÀI 13: ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA THÔNG TIN.....	170
BÀI 14: ỨNG XỬ TRỰC TUYẾN, EM LÀ NGƯỜI GIAO TIẾP TỐT.....	177
4.4. Tổ chức câu lạc bộ giáo dục kỹ năng công dân số.....	183
BÀI 15: NHÀ TỐ Ồ ĐÀU NHÌ.....	183
BÀI 16: ROVER KHÁM PHÁ SAO HÓA.....	191
BÀI 17: GIẢI TRÍ VĂN MINH CÙNG THIẾT BỊ SỐ.....	206
BÀI 18: THIẾT LẬP MẶT KHẨU AN TOÀN.....	213

Tài liệu sử dụng cho tập huấn triển khai thí điểm giáo dục KNCS cấp Tiểu học

# CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG TẬP HUẤN

## 1. Phần chung: (01 buổi)

Thời gian	Hoạt động	Nội dung, mục tiêu	Người phụ trách
8:00-8:30	Tổ chức	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Công tác tổ chức, quản lý lớp tập huấn.	BTC
8:30-8:45	Khai mạc		TS. Thái Văn Tài VT Vụ GDTH
8:45-10:00	Triển khai nhiệm vụ	CS Pháp lý, quan điểm định hướng, chỉ đạo của Bộ GDĐT và GDKNCDS ở cấp Tiểu học.	TS. Thái Văn Tài VT Vụ GDTH
10:00-12:00	Những vấn đề chung về GDKNCDS	1. Khung NLS cho HS Phổ thông và chỉ tiết cho cấp Tiểu học 2. GDKNCDS kinh nghiệm Thế giới và Việt Nam 3. Định hướng nội dung, hình thức tổ chức GDKNCDS ở cấp Tiểu học	ThS. Cao Hồng Huệ TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền + TS. Kiều Phương Thủy ThS. Trần Ngọc Khoa
12:00-14:00	Nghỉ trưa	Ăn trưa, nghỉ trưa	

## 2.1. Dành cho GV cơ bản

Sau khi học xong các học viên có thể:

- Trình bày được quy trình xây dựng bảng tham chiếu từ chương trình môn học với khung năng lực số
- Xây dựng được bảng tham chiếu với một môn học (tự chọn)
- Xây dựng được kế hoạch bài dạy tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào môn học (tự chọn)

Thời gian	Hoạt động	Nội dung, mục tiêu	Phụ trách
<b>Buổi 2</b>			
14:00-15:30	Tìm hiểu GDKNCDS trong các môn học	- Tìm hiểu quy trình, cách tham chiếu chương trình môn học với khung năng lực số thông qua bảng tham chiếu minh họa của môn Đạo đức, Toán, Khoa học, Công nghệ - Thực hiện xây dựng bảng tham chiếu cho môn học tùy chọn <i>Sản phẩm: Bản tóm tắt quy trình xây dựng bảng tham chiếu; Bảng tham chiếu cho một môn học</i>	BCV theo lớp (02 BCV/lớp)
15:30-15:45	Giải lao		
15:45-17:00	Báo cáo bảng tham chiếu	- Báo cáo sản phẩm bảng tham chiếu cho môn học tùy chọn. - Phân tích, hoàn chỉnh bảng tham chiếu cho môn học tùy chọn.	BCV theo lớp
<b>Buổi 3</b>			
8:00-10:00	Phân tích KHBH tích hợp GDKNCDS	- Phân tích KHBH tích hợp nội dung GDKNCDS trong một môn học. - Thiết kế 01 KHBĐ tích hợp GDKNCDS <i>Sản phẩm: mỗi nhóm 01 KHBĐ tích hợp GDKNCDS (khác môn học).</i>	BCV theo lớp
10:00-10:15	Giải lao		BTC
10:15-12:00	Thiết kế KHBĐ	- Thiết kế 01 KHBĐ tích hợp GDKNCDS <i>Sản phẩm: mỗi nhóm 01 KHBĐ tích hợp GDKNCDS (khác môn học).</i>	
12:00-14:00	Nghỉ trưa	Ăn trưa, nghỉ trưa	BTC
<b>Buổi 4</b>			
14:00-15:30	Báo cáo KHBĐ	- Báo cáo sản phẩm KHBĐ - Phân tích, đánh giá, hoàn chỉnh KHBĐ	BCV theo lớp
15:30-15:45	Giải lao		BTC
15:45-17:00	Báo cáo KHBĐ	- Báo cáo sản phẩm KHBĐ - Phân tích, hoàn chỉnh KHBĐ	

## 2.2 Dành cho GV Tin học

Sau khi học xong các học viên có thể:

- Trình bày được quy trình xây dựng bảng tham chiếu từ chương trình môn học với khung năng lực số
- Trình bày được các nội dung dạy học Kỹ năng công dân số (theo khối lớp)
- Lựa chọn được nội dung và hình thức phù hợp để giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh (theo khối lớp)
- Xây dựng kế hoạch bài dạy giáo dục kỹ năng công dân số

Thời gian	Hoạt động	Nội dung, mục tiêu	Phụ trách
<b>Buổi 2</b>			
14:00-15:30	Tìm hiểu về GDKNCDS trong chương trình môn Tin học	- Tham chiếu được chương trình môn Tin học với Khung NLS - Xác định được nội dung GDKNCDS cần bổ sung khi thực hiện GDKNCDS ở cấp Tiểu học.	BCV theo lớp (02 BCV/lớp)
15:30-15:45	Giải lao		
15:45-17:00	Xây dựng nội dung GDKNCDS cấp tiểu học	- Xây dựng và lựa chọn nội dung GDKNCDS theo khối lớp. - Xây dựng kế hoạch GDKNCDS phù hợp với điều kiện thực tế tại CSGD.	BCV theo lớp
<b>Buổi 3</b>			
8:00-10:00	Phân tích KHBH tăng cường GDKNCDS	- Phân tích KHBĐ tăng cường GDKNCDS - Thiết kế 01 KHBĐ tăng cường GDKNCDS <i>Sản phẩm: mỗi nhóm 01 KHBĐ tăng cường GDKNCDS và học liệu</i>	BCV theo lớp
10:00-10:15	Giải lao		BTC
10:15-12:00	Thiết kế KHBĐ tăng cường GDKNCDS	- Thiết kế 01 KHBĐ tăng cường GDKNCDS cùng với học liệu <i>Sản phẩm: mỗi nhóm 01 KHBĐ tăng cường GDKNCDS và học liệu</i>	BCV theo lớp
12:00-14:00	Nghỉ trưa	Ăn trưa, nghỉ trưa	BTC
<b>Buổi 4</b>			
14:00-15:30	Báo cáo sản phẩm	- Báo cáo sản phẩm KHBĐ - Phân tích, đánh giá, hoàn chỉnh KHBĐ	BCV theo lớp
15:30-15:45	Giải lao		BTC
15:45-17:00	Báo cáo sản phẩm	- Báo cáo sản phẩm KHBĐ - Phân tích, đánh giá, hoàn chỉnh KHBĐ	BCV theo lớp
<b>Buổi 5</b>			
8:00-10:00	Thiết kế HDGD-CLB và KHBĐ thực hiện.	- Trải nghiệm giờ học CLB GDKNCDS - Phân tích HDGD câu lạc bộ - Xây dựng KHBĐ cho HDGD-CLB <i>Sản phẩm: mỗi nhóm 01 KHBĐ cho HDGD CLB</i>	BCV theo lớp
10:00-10:15	Giải lao		BTC
10:15-12:00	Thiết kế HDGD-CLB và KHBĐ thực hiện.	- Thiết kế 01 KHBĐ cho HDGD-CLB <i>Sản phẩm: mỗi nhóm 01 KHBĐ cho HDGD CLB</i>	
12:00-14:00	Nghỉ trưa	Ăn trưa, nghỉ trưa	BTC
<b>Buổi 6</b>			
14:00-15:30	Thiết kế HDGD-CLB và KHBĐ thực hiện.	- Thiết kế 01 KHBĐ cho HDGD-CLB	BCV theo lớp
15:30-15:45	Giải lao		BTC
15:45-17:00	Báo cáo sản phẩm	- Báo cáo sản phẩm KHBĐ - Phân tích, đánh giá, hoàn chỉnh KHBĐ	
17:00-17:30	Tổng kết		BCV theo lớp

# LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 47 /BGDDĐT-GDTH  
V/v triển khai thí điểm giáo dục  
kĩ năng công dân số cấp Tiểu học

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố: Bắc Giang,  
Bắc Ninh, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn,  
Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” về nội dung “...đưa nội dung phổ cập kĩ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp Tiểu học để hình thành sớm các kĩ năng cần thiết cho công dân số” và Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025. Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 169/KH-BGDĐT ngày 16/02/2022 về triển khai thực hiện giáo dục kĩ năng công dân số ở cấp Tiểu học. Trong đó, triển khai thí điểm giai đoạn một tại các tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Nội, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lào Cai, Thừa Thiên Huế và Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT tham gia thí điểm thực hiện một số nội dung sau:

1. Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và tầm quan trọng việc phổ cập kĩ năng số và an toàn, an ninh mạng; hình thành sớm các kĩ năng cần thiết cho công dân số từ cấp Tiểu học. Đây là việc mới, lần đầu thực hiện nên cần chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng. Quá trình thực hiện bám sát kế hoạch, kịch bản của Bộ GDĐT và chủ động, linh hoạt triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các trường được chọn thí điểm; quá trình thí điểm vừa thực hiện tốt tại đơn vị mình, vừa rút ra bài học kinh nghiệm để tham mưu cho các cấp tiếp tục nhân rộng trong thời gian tới.

2. Xây dựng kế hoạch, đề án để triển khai thực hiện thí điểm giáo dục kĩ năng công dân số (KNCDS) cấp Tiểu học tại địa phương; tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất (CSVC) để bảo đảm thực hiện giáo dục KNCDS trong các cơ sở giáo dục Tiểu học trên địa bàn; tăng cường giáo dục KNCDS trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (GDPT 2018).

3. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 169/KH-BGDĐT ngày 16/02/2022 của Bộ GDĐT về triển khai thực hiện thí điểm giáo dục KNCDS ở cấp Tiểu học trên địa bàn, cụ thể như sau:

Bộ GDĐT yêu cầu các Sở GDĐT nghiêm túc triển khai thực hiện, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc cần báo cáo về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Tiểu học) để được hướng dẫn kịp thời. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố (để p/h c/d);
- Các Thứ trưởng (để p/h c/d);
- Lưu: VT, Vụ GDTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
  
  
**Phạm Ngọc Thương**

**NH 2025- 2026**

Triển khai diện rộng  
trên 63 tỉnh/phố.

**NH 2024- 2025**

Diện rộng tại 10 tỉnh  
thí điểm; Thí điểm  
tại các tỉnh còn lại.

**NH 2023- 2024**

Thí điểm tại 10 tỉnh  
đại diện vùng miền.



[www.congdansotieuhoc.edu.vn](http://www.congdansotieuhoc.edu.vn)



GIÁO DỤC KỸ NĂNG  
CÔNG DÂN SỐ  
THEO CHƯƠNG  
TRÌNH GIÁO DỤC  
PHỔ THÔNG 2018  
CẤP TIỂU HỌC

Tim hiểu thêm



Thư viện tài liệu

TÀI LIỆU  
TẬP HUẤN TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM  
GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ  
THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018  
CẤP TIỂU HỌC

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023



Cơ sở pháp lý



Quyết định số 1755 /QĐ-TTg ngày  
22/09/2010

Phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở  
thành nước mạnh về công nghệ thông tin  
và truyền thông”.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!**